

THANH-NGH!

NGHI-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG. KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HOE

TRONG SỐ NÀY :

— Điều-kiện cần cho sự can-
thiệp vào kinh-tế

VŨ VĂN HIỀN

— Gia-đình và giáo-dục : Giáo-dục
đầy nhất

VŨ ĐÌNH HOE

— Vấn-đề bản-vị tiên-tệ (Tiếp
theo)

ĐỖ ĐỨC DỤC

— Nhân sinh địa-dư : Khảo cứu
về « tuổi chết » của ta

NGUYỄN THIỆU LÂU

— Dagénan

VŨ VĂN CẦN

— Những thư viện bình dân ở
nước ngoài (Tiếp theo)

TRỌNG ĐỨC

— Bạn gái viết : Bản khoản

CÔ ANH THƠ

— Lôi vũ (Bi kịch của Tào Ngự) —
(tiếp theo)

ĐẶNG THÁI MẠI dịch

NĂM THỨ TƯ : SỐ 93 — NGÀY 25 NOVEMBRE 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DA HANOI * Giá nôi : 19 43 * GIÁ 0 80

GIÁ BÁO. — BAC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN, LÃO 3 th. 9\$00, 6 th. 18\$00, 12 th. 36\$00

BAO THANH - NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM—PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số 2 Décembre 1944

— Văn-đề văn-hóa trong công cuộc Giáo dục bình dân.	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Quyển tư-pháp trong Hiến-pháp Trung-hoa	PHAN ANH
— Nhận xét nhỏ về dân quê Bắc-kỳ (Tiếp theo).	TAN PHONG
— Khai luận về học văn: Học khoa cử.	ĐÌNH GIA TRINH
— Sự tiếp: Vua Gia-long và Minh-mạng theo nhời sử-thần phê bình.	NGUYỄN THIẾU LÂU
— Biên giới của sự sống.	ỨC MAI thuật
— Một tâm hồn nghệ sĩ (Truyện dài của Somerset Maugham). .	LÊ ĐÌNH CHÂN dịch
— Trích thuật sách báo	TRỌNG ĐỨC
— Đời sống Đông-dương: Chợ đen	VŨ ĐÌNH HÒE
— Lỗi vũ (Bi kịch của Tào Ngự) (Tiếp theo).	ĐẶNG THAI MAI dịch

HOP THO

CÙNG BẠN ĐỌC

Từ nay bản báo chỉ ấn hành số báo đủ để gửi cho các bạn chứ không còn dư như mọi khi. Vậy mong rằng bạn nào, hề nhận được thư nhắc hết hạn báo tại gửi ngay ngân phiếu về mua hạn mới.

Bao giờ cũng có thư nhắc trước bốn số, nên nêu đến số hết hạn cũ mà không nhận được bưu phiếu mua hạn mới chúng tôi sẽ đình gửi báo và như vậy nếu bạn nào chậm gửi tiền về sẽ bị gián đoạn mấy số mà chúng tôi không còn nữa.

O. T.C.T. (Nga-trang). — Rất hoan nghênh bài của ông. Xin gửi thêm. Riêng về bài gửi ngày 1er Novembre 1944, tòa soạn không đồng ý với ông.

O. D. Chúc (Phủ-lý)—Ô. Ng. H. T. (Sàigòn) Vì một lỗi riêng bài của hai ông không đang được.

O. N. K. H. (Huế). — Lệ của tòa báo không gửi lại bản thảo. Xin ông lượng thứ.

O. Ng. trương Ba (Huế) và ô. Trần tấn Thân (Nam-dinh) — Xin các ông gửi thêm 7\$00 cho đủ hạn nửa năm. Nếu không chúng tôi cứ gửi báo đủ số tiền các ông đã gửi.

O. Bửu Mạng (Huế) — Lưu cảm ơn ông. Tòa báo còn ca nhưng số ông có.

O. Nguyễn Xu (Huế) — Chúng tôi chỉ còn nhưng số 61, 62, 65, 67 75 và 77.

O. Trần văn Phi (Saigon) — Hạn báo cũ của ông đến số 144. Còn hạn mới đến tận số 200.

O. Huỳnh công Phó (Long xuyên). — Xin cảm ơn ông, chúng tôi đã nhận được cả hai ngân phiếu và đã gửi báo ngay hôm 4-11-44. Về 14 số cũ chúng tôi soạn ra thành ca tập giấy chưa không in le từng số.

MUA ĐỔI BÁO CŨ

Cần mua giá cao những số Thanh Nghị cũ từ 1 đến 13, hoặc trao đổi vì có dư những số: 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, và số Tết năm 1943. Xin liên thư cho ô. Bửu Mạng. Bộ Nội vụ Huế.

DIEU - KIỆN CAN CHƠ SỰ CAN - THIỆP VÀO KINH - TẾ

VU VAN HIEN

Từ đầu thế-kỷ này, nhất là từ cuộc kinh-tế khủng-hoảng năm 19-9, trong dư-luận, thế-giới đã có một phong trào phản-đối chủ nghĩa tự-do kinh-tế, là chủ-nghĩa chủ-trương để dành sự hoạt động kinh-tế cho tư-phần còn chính-phủ thì chỉ quản-nhiệm việc giữ cho xã-hội được yên ổn và có trật-tự.

Vì đã gây ra bao nhiêu sự khó khăn, thiếu thốn, và bao nhiêu sự tàn-phá rồi đây sẽ phải tu-bổ, cuộc chiến-tranh này lại là một cơ-hội bất buộc mọi chính-phủ gia-tăng sự can-thiệp vào lĩnh-vực kinh-tế

Đồng-thời với sự bắt buộc của thực-tế ấy, những khẩn-hiệp « kinh-tế chỉ huy » (économie dirigée), « nghiệp-toàn-cưỡng-bách » (corporations obligatoires) v.v. đã thông-động trong dư-luận, khiến cho nhiều người tưởng-chứng như đây là những phương-sách giải-quyết được mọi sự khó khăn, ở mọi nơi, dưới mọi chế độ.

Thật ra thì việc chính-phủ can thiệp vào kinh-tế không phải bây giờ mới có. Chính-sách ấy đã thi-hành ở nhiều nước tại Đông-Tây ngày xưa và ngày nay. Có nơi thì nó đem lại những kết quả tốt đẹp, có nơi thì nó đã làm cho dân-chúng khổ sở; nhiều khi, cùng ở một nước, có thời-kỳ nó đã làm cho nền kinh-tế phát-triển rất nhanh và cũng có thời-kỳ nó làm cho cả bộ máy sản-xuất và thi-phôi bị tê liệt.

* * *

Vào khoảng thế-kỷ 16, hai chính-phủ quân-chủ Bồ-đào-Nha và Ý pha-Nho, là hai nước đã trực-tiếp được hưởng trước nhất những nguồn lợi vô-tận tìm thấy Mỹ-châu, đã đặt ra rất nhiều lệ-luật về kinh-tế; (trung-tâm một thế-kỷ sau, nền kinh-tế hai nước ấy là kiệt-quệ; lệ-luật đặt ra chỉ giúp cho những viên-chức có trách-nhiệm đem thi-hành được nhiều cơ-hội để vơ vét của chàng để làm riêng mà thôi.

Lại cho tới cuối thế-kỷ 18, chế-lộ nghiệp-đoàn (bắt buộc những người cùng nghề phải gộp vào cơ-quan được chính-phủ công-nhận) đã thi-hành ở khắp mọi nước tại Tây và Trung-Âu. Rồi sau người ta nghiệm thấy rằng chế-độ ấy chỉ lợi cho một thiểu số: ở các thị-thành, dựa vào luật-pháp, một số ít bourgeois (thương gia và kỹ nghệ gia) có dành độc-quyền làm mọi nghề-nghiệp cho mình và cho họ hàng mình, ở thôn quê thì những « chủ-thần », đợc độc-quyền thu-hoạch hoặc phân-phát những thực-phẩm cần-thiết, thông-đồng với viên-chức mà xây dựng những sân-nghệp đồ-sộ bằng mọi hơi, nước mắt và máu của dân-chúng.

Không nói đâu xa, dù lịch sử nước ta từ đầu thế kỷ 18, ta cũng thấy không biết bao nhiêu những luật lệ về kinh tế, nào lệ cầm chày ở chỗ hàng hóa, nào lệ định giá thóc gạo, nào lệ đặt kho thóc chung ở huyện ở làng, nào lệ lấy bớt ruộng của người giàu để làm công-diên đem phân-phát cho dân nghèo... Nhưng những lệ-nạt ấy đã có ích gì? Người ngoại-quốc qua xứ ta hồi đó đều nhận thấy sự đói rách, khổ sở cùng cực của dân chúng và sự đè nén nặng nề của một cái lâu đài cai-trị « dột từ trên nóc », trong đó phần tử nào cũng chỉ vin vào lệ-luật mà cướp lấy một cái vốn riêng trong « cánh chợ vé chiếu » !

Ta còn có thể tron trong lịch sử bao nhiêu thí-lụ nữa để chứng tỏ rằng chính-sách can-thiệp vào kinh-tế, tuy tự nó là hay, là hợp lý, mà nhiều khi chỉ dẫn đến những kết quả chua chát, đau đớn nhiều khi đem thi hành chỉ có hại hơn là lợi.

* * *

Một ít người căn cứ vào những thí-dụ ấy mà kết-án việc quốc-gia can thiệp vào kinh-tế và tán dương nguyên-tắc tự-do là nguyên-tắc mà chính ngay tại Âu-Mỹ người ta cũng đã thấy không còn hợp với cuộc tiến hóa của xã-hội nữa

Lại có một số nhà luân-lý, quen thuyết-lý trong triết-tượng, căn cứ vào đây mà kết luận-rằng chính sách đó chỉ có thể thi-hành khi nào ta đã đào-luyện được những người đứng đắn, cố công-tâm, không tham lam, không ích-ký. Đối với họ, vấn đề kinh-tế chỉ là một vấn đề luân-lý, một vấn đề « tu thân » !

Nhưng thất ra thì muốn được kết quả hay, một nền kinh-tế do quốc-gia chỉ huy cần nhiều hơn là sự đào-luyện một ít viên chức trong sạch và tận-tâm, mà cũng cần ít hơn là sự trau giồi cho tất cả mọi người trong xã-hội sẵn lòng hy sinh, trọng lợi chung hơn lợi riêng.

Vấn chọn những phần tử trong một quốc dân ấy, chính-phủ Quốc-Xã tại Đức đã dùng quốc quyền mà kiên thiết được trong vài năm giới một nền kinh-tế vững chãi, một công việc mà trước bao nhiêu lần những chính phủ trước không làm nổi.

Chưa xây đắp xong một nền giáo dục mới mà trong hơn mười năm — (kể từ lúc bắt đầu kế hoạch năm năm lần thứ nhất) — chính phủ Nga Xô-Viết đã dùng quốc quyền mà khai phá được những nguồn lợi mà bao nhiêu nhà-hệ Nga-hoàng ngày trước không khai phá được.

Không kể gì đến những cuộc « cách-mệnh » trên đây, chỉ lấy thí dụ một nước vẫn giữ trước sau một chính thể như Hợp-chúng-quốc ở Mỹ trước đây mười năm : với những « người cũ », với những phương tiện đã sẵn có, tổng thống Roosevelt đã thi-hành được bao nhiêu sự cải cách ở nơi mà người trước ông đã bị thất bại.

Vì đâu tại mấy nước trên đây, người ta đã thành công được ?

(Xem tiếp trang 27)

GIA-ĐÌNH VÀ GIAO-DỤC

GIAO DỤC DUY NHẤT

VU DINH HOÀ

Bắt đầu từ thế kỷ thứ 20 cho tới khi chiến-tranh bùng nổ, ở nhiều nước dân chủ, như nước Pháp và nước Bỉ, kéo dài một cuộc tranh luận náo nhiệt, lắm lời sôi nổi và gây go, về vấn đề "Giáo dục duy nhất" (*école unique*). Cuộc tranh luận đã lôi cuốn một số người rất đông hoặc hưởng ứng hoặc phản đối, không những trong giáo giới, và chính giới mà trong cả báo giới và văn giới, hoạt động hoặc do tư cách cá nhân hoặc bằng thanh-thế của cả một đoàn-thể: một hội học, một nghiệp đoàn một nhóm tôn giáo hay một đảng chính-trị. Cuộc tranh luận đã diễn bằng báo chí, sách vở những dự án luật pháp với những buổi bàn cãi kịch-liệt ở Thượng và Hạ nghị viện, và đã đưa tới một vài kết quả thiết thực, một vài điều thay đổi trong sự tổ chức và chương trình dạy học.

Chiến tranh đã ngắt quãng cuộc tranh luận ấy. Nhưng có điều chắc chắn là sau nạn binh lửa đã qua và bắt đầu những việc kiến thiết thì một cuộc xây dựng nào về giáo dục tất cũng phải chịu ảnh hưởng của cuộc tranh luận về vấn đề giáo dục duy nhất, ít hay nhiều tùy theo phong trào chính trị lúc đó.

Đã sau này có thể biết hiệu lực của cái thuyết "Giáo dục duy nhất" được như thế nào ngay bây giờ chúng ta nên có một ý niệm đại quan về cuộc tranh luận quan trọng ấy. Tôi xin trình bày dẫn dắt trong số này và một vài số sau, về bốn điểm sau này:

1) đại lược về thuyết "Giáo dục duy nhất"

2) đại ý những dự án của phái chủ trì thuyết này.

3) những điều công kích của phái phản đối.

4) Kết quả của cuộc tranh luận.

I. — Thuyết "Giáo dục duy nhất"

Ở các nước dân chủ, Pháp, Anh, Bỉ, v... sự tổ chức giáo dục, cho tới gần đây, ràng theo một lệ thống, đại khái như sau:

1) nền tiểu học là nền học bắt buộc và không mất tiền, còn nền trung học và các ban đại học theo học phải trả tiền. Vậy nền tiểu học là nền học của phái bình dân, còn nền trung học đưa tới các ngành đại-học là nền học đặt cho các gia đình đủ điều kiện kinh tế để lo liệu việc học cho con cái trong một thời gian khá lâu.

2) Hai nền học nền tiểu-học và nền trung học sau đưa lên các ngành đại học là hai nền đi song hàng, một nền ngắn một nền dài, chứ không nối tiếp với nhau, mỗi nền có một tính cách đặc biệt và dạy một chương trình khác nhau. Nền tiểu học là nền học thiết thực, gây cho con trẻ một kiến thức và thực tế cần thiết cho đời sống hằng-ngày của cá nhân và Đoàn thể. Nền trung học (có từ những học đỏi cho công sù) dạy một chương trình học văn phổ thông và nhân bản (*culture générale et humaine*), cốt để rèn cho thành niên những tư tưởng khái quát, một tri phau đoán rộng rãi và sâu sắc.

Nền trung học có mục đích đào luyện một "phái thượng lưu trí thức" sẽ đảm đương những công việc tổ chức và điều khiển.

Các người chủ trương thuyết "Giáo dục duy nhất" đã nêu lên những câu hỏi sau này:

1) Tại sao lại chỉ có nền tiểu học là được học không phải trả tiền, còn nền trung học và các ngành đại học lại mất tiền, làm cho con nhà nghèo không được hưởng một học vấn cao hơn.

2) Tại sao lại đặt hai nền học khác hẳn nhau nền tiểu học có tính cách thiết thực và nền trung học dạy một chương trình phổ thông học thức ; tại sao lại chia thanh niên thành hai loại mỗi loại được rèn luyện theo một lối riêng biệt, không phải vì tư chất chúng khác nhau mà chỉ vì chúng ở vào gia đình nghèo hay dư dật ?

Vì vậy các người chủ trương thuyết « Giáo dục duy nhất » đã đề xướng hai điều cải cách nó chỉ là hai phương diện của một vấn đề.

1) phương diện xã hội : sự học không mất tiền ở mọi bậc học đề cho ai ai cũng được hưởng sự học tùy theo tư chất và chí ham học của mình.

2) phương diện chuyên môn : một nền học duy nhất tức là một lối rèn luyện thanh niên duy nhất, áp dụng những phương pháp chỉ khác nhau tùy theo trình độ hiểu biết ở mỗi tuổi và tùy theo tư chất của con trẻ chứ không khác nhau vì điều kiện kinh tế của gia đình chúng.

Sự học không mất tiền.

Trong một nước dân chủ, người dân nào cũng có quyền được học và có bổn phận phải học. Có quyền ấy để không bị dè nên bởi ngay cái chính phủ dân-chủ, để không thành cái nước ghen ghét hơn lợi dụng chế độ dân quyền. — Có bổn phận ấy để không là một gánh nặng một cơ nguy hiểm và một vật bao hại đối với xã-hội, đã dùng nạp và bảo vệ họ. Bởi vậy sự học phải là một điều lợi mà mọi người đều được hưởng không phải tốn kém gì.

Ở các nước dân chủ, nền sơ học đã được đặt làm nền học công bặt và không mất tiền. Sự học không mất tiền cần phải lan rộng tới các nền trung học, cao học và các nền học chuyên nghiệp. Phải để cho con nhà nghèo cũng như con nhà giàu, đều đủ trí thông minh, và hiểu học đều được theo dần dần lên những bậc cao của học vấn. Đó không những là một điều lợi riêng cho họ mà là một điều lợi chung cho cả đoàn thể.

Học không mất tiền là thế nào ? Trước hết là không phải giả học phí và được dùng những học cụ không phải mất tiền thuê. Nhưng kể nghèo nhiều khi đói rét không học được cho nên họ cần phải được cấp học bổng để có cơm ăn áo mặc. Phải đi xa thêm nữa : kẻ nghèo lắm khi được cấp tiền ăn học mà phải thôi học về để mưu sinh cho bản thân và gia - đình, cho nên, muốn thi hành đến triệt để tư tưởng dân - chủ trong chính-sách giáo-dục, người ta phải giả lương cho học sinh hay sinh-viên, coi họ như một công-nhân hay viên-chức, — ít ra là giả lương cho học-trò nghèo và xuất sắc, một số lương khá cao để bù vào sự thiệt thòi vì mặc học họ không đi làm kiếm tiền được.

Cái nguyên tắc « học không mất tiền » mà phạm vi thực hành đem mở rộng ra như thế, có thể bị chỉ trích ở nhiều chỗ ; nhưng những điều chỉ trích cũng có thể bị bác đi rất dễ. Điều chỉ trích thứ nhất là số tiền tiêu hàng năm của chính phủ về việc ấy sẽ rất lớn, là một gánh nặng cho công quỹ thường đã bị lũng túng. Nhưng, có hề chi — người ta có thể giả nhưn như thế — có hề chi nếu một sự hụt đi về tài-chính được bù bằng một sự dôi ra về mặt xã-lợi. Một điều chỉ trích nữa là nếu ai cũng được học cao cả, ai cũng là ông cử ông tử cả thì lấy ai đi cấy ! Câu nói đầy lo sợ ấy hẳn xuất ra ở mồm những người cứ yện chỉ rằng kẻ có học cao tất phải làm việc bằng tay-lăn, trong cái thời mà những ngành học cao cấp lấy còn dành cho một số ít người, cũng như ở một nước hậu tiến người ta hãy còn yện chỉ rằng dân lao động phải là lợn ngu phụ ngu phụ vì cái số ít người kia mới qua bậc học sơ đẳng đã có thể thành những viên chức đàng hoàng ! Nhưng thế hệ sau này trong một tương lai gần đây sẽ thấy rất tự-nhiên rằng tất cả dân-chúng đều có và cần có học thức. Mà không phải vì thế mà họ làm việc bằng trí-não cứ đóng mồi lên làm thua thiệt cái số người làm việc bằng chân tay dẫu. Trước hết cái số người rất đông có học cao ấy thực ra sẽ chia thành nhiều hạng theo sự chênh lệch tự-nhiên về tư-chất và ý-chí và

(Xem tiếp trang 25)

VẤN ĐỀ BÀN VI TIỀN TỆ

(PROBLÈME DE L'ÉTALON MONÉTAIRE)

ĐỖ ĐỨC DỤC

(Tiếp theo số 91)

II — Kim-bản-vị-chế monométallisme-or)

Chính-sách kim-bản-vị tuy còn giản-dị nhưng cũng đã phức-tạp hơn chính-sách ngân-bản-vị. Ở những nước theo ngân-bản-vị thường hoặc không lưu-hành vàng hoặc chỉ lưu-hành rất ít, nhưng tất cả những nước theo kim-bản-vị đều có lưu hành bạc. Là vì bạc là thứ kim khí trung gian dùng để đúc những đồng tiền hạng nhỏ, nếu dùng vàng thì nó nhỏ quá mà nếu dùng đồng thì nó lại to quá.

Nhưng nếu vậy thì địa-vị của tiền bạc sẽ như thế nào? Người ta không thể cứ để cho nó cái tính cách bạc nên, bạc định, nghĩa là dựa vào thị giá của nó trong việc giao dịch. Như thế thì sự bất tiện về giá cả không nhất định trước kia ở tiền vàng bây giờ lại chuyển sang tiền bạc. Cho nên người ta phải tìm một chính-sách trong đó vàng được dùng làm tiền căn-bản, bạc làm tiền phụ, nhưng giữa vàng một bên, bạc và đồng bên kia người ta cũng định rõ một tỷ-số giá cả nhất định.

Đó là định nghĩa của kim-bản-vị chế.

Ta hãy lấy thí-dụ của nước Anh, tiền hiệu cho chính-sách kim-bản-vị. Đơn-vị tiền tệ (unité monétaire) của Anh là đồng livre sterling (bảng), theo đạo luật năm 1866 làm bằng 7 gam 32 vàng nguyên chất (khối lượng đồng pha). Nhưng bên cạnh đồng livre lại cũng đặt ra đồng shilling làm bằng 5 gam 23 bạc nguyên và cũng theo luật đó đã rõ ràng tỷ giá của đồng livre bằng 20 lần đồng shilling. Như thế nghĩa là tỷ giá của (5 gam 23 $\times$ 20) = 104 gam 60 bạc ngang với tỷ giá của 7 gam 32 vàng, hay

nếu ta chia 2 con số đó với nhau ta được $\frac{104,6}{7,32} = 14,29$, nghĩa là tỷ giá của vàng đối gấp 14,29 lần tỷ giá của bạc. Vậy là trong chính-sách tiền tệ của nước Anh tỷ số giá cả pháp định (rapport légal) giữa vàng và bạc là 1 với 14,29.

Tất nhiên tỷ số đó không phải ngẫu nhiên mà đặt ra. Sự thực nhà pháp luật Anh năm 1816 đã dựa vào tỷ số giá cả của vàng bạc bán trên thị trường Londres, bấy giờ. Giá vàng hạ thoi, mua bán dễ làm các đồ tư trang chẳng hạn, cũng chênh lệch hàng 14,29 lần như vậy. Nhưng tỷ số pháp định đó nếu kỳ thủy, nó tự nhiên vì dựa vào giá trên thị trường, thì về sau nó hóa ra vu vơ không thực vì nó vẫn đứng nguyên trong khi đó trên thị trường tỷ số giá cả giữa vàng và bạc đã thay đổi đi nhiều, nhất là vì giá bạc mỗi ngày một sụt. Như hồi sắp xảy ra cuộc đại chiến 1914-1918 tỷ số này đã thay đổi 1 với 30 nghĩa là trên thị trường vàng đắt hơn bạc gấp 30 lần.

Kết quả của sự chênh lệch đó ra thế nào?

Đồng shilling vẫn giữ tỷ giá cũ (1/20 đồng livre) nhưng thị giá của nó đã sụt đi quá một nửa, nó đã thành ra một « đồng tiền xấu » (mauvaise monnaie) nghĩa là thứ tiền mà tỷ giá cao hơn thị giá. Nếu cứ như vậy có thể xảy ra mấy điều sau này. Một là, theo định luật Gresham (1), người nào cũng chỉ muốn giữ đồng livre (tiền vàng) trong tay và bỏ đồng shilling (tiền bạc) nào thì dùng trước đi cho hết rồi đến

(1) Định luật đó nói rằng khi trong một nước có hai thứ tiền, tốt và xấu cùng lưu hành thì thứ tiền xấu sẽ ra, đuổi thứ tiền tốt.

vào tủ của tư gia và trong sự lưu hành chỉ
 ở chợ đồng *shilling*. Điều thứ hai là tư gia
 ai có bạc nên cũng muốn mang lại Sở Tiền-tệ
 xin đúc thành đồng *shilling*, như thế có lợi vì
 thí dụ một số bạc nêa đem bán trên thị-trường
 chỉ được 4 *livre* thì đúc thành tiền nó được
 những 40 *shillings* nghĩa là 2 *livres*.

Ấy là ta chưa nói đến những trở ngại trong
 việc giao dịch quốc-tế. Chẳng hạn có những kẻ
 đầu cơ mang vàng thoi hoặc tiền vàng ra ngoại-
 quốc đổi lấy bạc: theo giá thị-trường thì một ki-
 lô vàng họ có thể đổi lấy 30 ki-lô bạc. Nếu một
 ki-lô vàng đó giữ trong nước thì nó chỉ có giá
 bằng (1000)

$$\frac{7,32}{5,23} = 131 \text{ livres; mang ra ngoại-quốc}$$

$$\frac{30 \text{ ki-lô bạc mang về có thể đổi}}{\text{bằng (30.000)}} = 5,736 \text{ shillings hay } \frac{(5.736)}{20} =$$

86 *livres* 80; thế là với một ki-lô vàng kẻ đầu-
 cơ đã được lãi $(286,8 - 131) = 155 \text{ livres } 80$.
 Kết quả của sự đầu cơ này là vàng thoi cũng
 như tiền vàng chạy ra ngoại-quốc, những đồng
livre biến đi mà những đồng *shilling* tràn
 ngập thị-trường.

Nhưng, chính vì để tránh những điều trở
 ngại đó mà đạo luật năm 1816 đã định rõ hai
 bản nó phù hợp với những định nghĩa mà ta
 nói ở trên (2).

Khoản thứ nhất chỉ cho những đồng tiền bạc
 có hiệu-lực miễn trái hữu-hạn (*force libé-
 raire limitée*): một người con nợ chỉ có thể
 trả chủ nợ bằng đồng *shilling* tới số nợ 2 *li-
 vres* là cùng, nếu quá số đó trái-chủ có thể bắt
 người phải giả bằng đồng *livre*. Như vậy ta thấy
 rằng hệ tiêu quá món tiền là 2 *livres*, người
 con nợ cũng phải giả bằng tiền vàng mà không lưu
 nó được, thành ra đồng *livre* không biến đi
 mà vẫn lưu hành như những sự giao-
 dịch lớn.

Khoản thứ hai của đạo luật 1816 không cho
 người được tự do tiền bạc, nghĩa là tư nhân
 không được quyền mang bạc nên đến Sở Tiền-
 tệ xin đúc thành đồng *shilling*. (Trái lại họ
 được quyền mang vàng thoi đến xin đúc thành

đồng *livre*). Như vậy sự đầu cơ đã nói ở trên
 không có hiệu quả nữa.

Với hai khoản đó sự chênh-lệch giữa tỷ số
 pháp-định và tỷ số thị trường của vàng bạc
 không có trở ngại nữa, và tư-nhân vẫn yên-tâm
 dùng tiền bạc dù biết là nó xấu. Nhưng sự chênh
 lệch đó rất có lợi cho Chính-phủ Anh vì chính
 phủ mua bạc ở thị-trường được giá hạ và đúc
 ra tiền đem lưu-hành thì được hưởng lãi ở chỗ
 tỷ-giá cao hơn thị giá.

Đầu sao đạo luật năm 1816 đã đem thi-hành
 lần đầu tiên ở nước Anh chính sách kim-bản
 vị, với đồng *livre* bằng vàng làm căn-bản và
 những đồng *shilling* bằng bạc chỉ là tiền phụ
 như tiền đồng. Rồi không bao lâu qua sang
 nửa sau thế kỷ thứ 19 nhiều nước khác như Đức
 Nga, Áo, Na-uy, Thụy-điển cũng thừa nhận
 kim-bản-vị-chế duy với ít nhiều thể-thức khác nhau

III — Lượng kim chế (*bimétallisme*)

Đó là chính-sách của những nước nào đã
 phải bỏ ngân-bản-vị-chế mà lại không muốn theo
 hẳn kim-bản-vị-chế.

Chính-sách lượng-kim gồm có ba đặc điểm
 sau này:

1. Cả những đồng tiền vàng và bạc đều có
 hiệu-lực miễn-trái vô-hạn.

2. Cả vàng và bạc đều được hưởng quyền đúc
 tự-do

3. Giữa hai loại kim đỏ có một tỷ-số giá cả
 do pháp luật định rõ ràng.

Ta hãy lấy làm thí-dụ chính sách tiền tệ của
 nước Pháp trước năm 1914.

Dưới thời Cách-mệnh nhà pháp-luật Pháp đã
 định rằng những đồng vàng có thể lưu-hành
 được, nhưng nó không có một tỷ-giá nhất-định
 và trong việc giao-dịch người ta cứ theo thị-
 giá mỗi lúc một khác. Nhưng không bao lâu
 công chúng không chịu và yêu cầu một chính
 sách khác định cho cả hai loại kim một giá
 nhất-định. Thế là đạo-luật ngày 7 *Germinai*
 năm XI (28 *Mars* 1803) ra đời và đặt nền
 móng cho chính-sách tiền tệ Pháp thi-hành mãi
 tới cuộc đại chiến trước.

Theo đạo luật đó thì đơn vị tiền-tệ Pháp là đồng franc bằng bạc nặng 5 gam, tuổi 0,900. Cũng đạo luật đó lại đặt ra đồng 20 francs bằng vàng nặng 1000/155 gam, tuổi 0,900. Một con tính 1000

155

: (5×20) sẽ cho ta biết tỉ-số pháp định giữa giá vàng và bạc trong chính sách tiền tệ của nước Pháp là 1 với 15,5.

Nhưng, ở đây cũng như ở nước Anh, nếu tỉ-số pháp định lúc đầu hợp với tỉ-số thị-trường thì về sau nó sai đi vì thị giá vàng bạc thay đổi luôn như các hóa vật khác, thế mà tỉ giá thì vẫn y nguyên.

Quả vậy, ở nửa sau thế kỷ thứ 19 sự chênh-lệch rất rõ rệt và lại thay đổi ngược-triều. Như dưới thời Đế-nhị Đế-chính vì người ta tìm ra nhiều mỏ vàng mà thị giá của vàng hạ xuống và tỉ số giá cả giữa vàng bạc trên thị trường chuyển từ 1-15,5 tới 1-15. Nhưng sau năm 1870 sự chênh-lệch đổi ngược lại và mạnh hơn rất nhiều. Vì đồng tiền bằng bạc bị truất ngộ thứ nhất ở nhiều nước (3) và cũng vì nhiều cớ khác nữa, như sự khai-khẩn bạc tăng lên, thị giá của bạc sụt xuống rất nhiều và có lúc tỉ-số kia xuống tới 1-31, nghĩa là vàng trước kia đắt gấp 15,5 lần bạc bấy giờ đắt gấp những 31 lần.

Thế mà ta nên nhớ rằng trong chính sách lương kim cả hai loại kim đều hưởng quyền đúc tự-do. Thêm nữa, ở nửa sau thế kỷ thứ 19, nếu nước Pháp và ít nước khác theo lương-kim-chế thì có những nước khác như nước Anh lại theo kim-bản-vị-chế nghĩa là ở đó chỉ duy có vàng là được hưởng quyền đúc tự do.

Đứng vào cái hoàn cảnh đó chế độ lương kim đã bị ngang trở vô cùng. Để dễ hiểu ta hãy lấy một thí dụ vào lúc mà tỉ số thị trường giữa giá vàng và bạc là 1-17 trong khi đó tỉ số pháp định vẫn là 1-15,5. Hai yếu tố đã xuất hiện để làm sai-lạc cả lương-kim-chế.

Yếu-tố thứ nhất là ở sự *giả tiền cho nước ngoài*. Thí dụ một người Pháp nợ một người

Anh một món tiền tương đương với 1 ki-lô vàng, nếu người đó muốn giả bằng bạc thì cứ chiều theo thị-giá họ phải giả bằng 17 ki-lô bạc. Như thế không đời nào họ giả bằng bạc vì ở nước Pháp theo luật chỉ 15 ki-lô rưỡi bạc họ đã xin đúc thành được một món tiền tương đương với 1 ki-lô vàng kia rồi, nếu đem giả nợ bằng bạc ra nước ngoài họ sẽ thiệt 1 ki-lô rưỡi bạc. thành ra bất cứ người Pháp nào giả tiền ra ngoại-quốc họ cũng chỉ giả bằng vàng mà chính ở trong nước thì họ giả toàn bằng bạc vì tiền bạc ở đây có hiệu lực miễn trái vô hạn. Như thế là lương kim-chế có kết quả làm cho *vàng chạy ra nước ngoài*.

Yếu-tố thứ hai là ở sự *đầu-cơ*.

Một kẻ đầu cơ bấy giờ mang 1 ki-lô vàng (vàng thoi hay tiền vàng) sang thị-trường Londres và đổi được 17 ki-lô bạc. Hắn mang 17 ki-lô bạc đó về Pháp xin Sở Tiền-tệ đúc thành tiền (vì bạc ở đây cũng được hưởng quyền đúc tự do như vàng) và được : $\frac{(17000)}{5} = 3.400 \text{ francs}$

Thế mà lúc đi hắn đã mang 1 ki-lô vàng tương đương với 3100 francs (hay 15,5 ki-lô bạc, theo luật của nước Pháp), thành ra hắn đã được lãi 300 francs. Lẽ tất nhiên sự đầu cơ đó càng có lợi nếu tỉ-số từ 1-17 rút xuống 1-18, 1-19, v.v...

Kết-quả của lương-kim-chế ở đây cũng vẫn là vàng (tiền hay thoi) chạy ra nước ngoài, và thêm điều nữa là *tiền bạc lưu hành tăng lên rất nhiều*, quả như định-luật của Gresham, đồng tiền xấu (bạc) đuổi đồng tiền tốt (vàng).

Như vậy là một nước theo chính-sách lương kim sẽ phải chịu cái ách lưu hành ở bên trong toàn những đồng tiền mất giá.

Vì mỗi trở ngại trên đây có nước, như nước Nhật, sau, khi theo lương-kim-chế ít lâu (1871-1897) đã phải bỏ chế theo kim bản-vị-chế. Nhưng cũng có những nước khác, như nước Pháp, vẫn giữ lương-kim-chế, duy phải tìm cách sửa đổi lại những khuyết-diểm của nó, những điều bổ-khuyết đó ta sẽ xét đến trong một số sau.

(Còn nữa)

Đ. Đ. Đ.

(3) và (2) — Xem Thanh-Nghị số 91 ngày 11 Novembre 1944.

Ít lâu nay trong dư luận, Dagenan đã chiếm được một địa vị rất quan hệ. Bất cứ ở một giai cấp nào, hễ ai nói đến bệnh tật là thấy nói đến Dagenan, như nói đến một vị thuốc có phép màu nhiệm trị được bách bệnh. Ra ngoài phạm vi y học Dagenan lại là một bảo vật trong trường thương mại, một mối lợi rất có nhiều người đầu tư, khiến cho giá Dagenan cứ vùn vụt tăng lên một cách quá đỗi. Không biết Dagenan đã có cái ma lực gì để gây được cái thanh-thế ghê-gớm ấy trong xứ này. Ai cũng biết, ai cũng phục như là một vị thuốc thánh và ai là người có tiền cũng không quản bỏ ra những số bạc quan hệ mua thuốc như một cái bùa hộ-mệnh.

Có lẽ cái thế lực của Dagenan bây giờ cũng chẳng thua gì cái thế lực của thuốc thánh đến Bia hay Lúa từ nan thiên binh mà cách đây mười mười lăm năm đã làm náo động dân gian. Có người cho sự so sánh ấy là quá đáng chăng? Không, khi người ta đã tin tưởng một cách mờ hồ những việc không có thực, thì dù người ta tin một vị thuốc thần, hay một bùa trừ tà hay một vị thuốc tây như Dagenan, đi chăng nữa, thì cũng là tin naum như nhau.

Trong lúc Lỗ mang này, có nhiều người hãy còn sang suốt đang hồ nghi trước cái ma lực của Dagenan. Ta cũng nên mang nó ra mà xét thực hư thế nào, tưởng cũng giúp ích quốc dân được một vài phần.

Dagenan là gì?

Vì dân có sự ngộ nhận của quốc dân về công dụng của Dagenan?

Chân giá trị của Dagenan là thế nào? Đó là ba câu hỏi mà chúng tôi sẽ lần lượt trả lời để giải quyết cái đề Dagenan trong dư luận xứ này vậy.

1. Dagenan là gì?

Dagenan là tên một thứ thuốc do hãng chế S. P. E. C. I. A. (Pháp) đặt ra và cho phát hành trên trường thương-mại, cũng như phùng tên Nestlé, Kalmine, Gibbs v.v. v.v., mà các nhà buôn đặt cho những sản phẩm của mình chế ra. Dagenan không phải là tên một chất thuốc. Chất thuốc chính trong Dagenan là một thể hóa học gọi là *Sulphapyridine*, t.ước-và-oai *sulfamides* mà người ta mới biết được công dụng trong vòng mười năm nay và hiện đang được dùng dụng trong y học.

Người đầu tiên đem áp dụng chất *sulfamides* vào trong phép chữa bệnh là giáo sư Domagk, người Đức. Năm 1935 ông công bố kết quả các cuộc khảo cứu của ông về một chất *sulfamides* có tính sát giết được thứ trùng *streptococcus*. Các hiệu chế thuốc liền dùng cái tên ấy cho phát hành ra những thứ thuốc đặt tên là *Prontosil* (Đức) *Rubiazol* (Pháp). Nhưng từ đây các cuộc khảo cứu nội ngày một tiến bộ. Các nhà bác học trong phòng thí nghiệm của ông Fournneau (người Pháp) lại tìm ra một chất *sulfamides* khác hiệu quả hơn, là ông những giết được trùng *streptococcus* mà còn giết được cả trùng *meningococcus* và *gonococcus*. Với thứ *sulfamide* này các hãng chế thuốc lại thi nhau cho phát hành những thứ thuốc đặt tên là *Septoplin*, *Lysococcine*, *Néococcyk*, *Bactéramide* hay *Prontosil-Album* và *Septozine* *Solu-sellazine*.

Mới đây vào năm 1937, hai ông Ewins và Philipps lại tìm ra một thứ *sulfamide* nữa, để dùng hơn và rộng hiệu hơn các thứ trước. Thứ *sulfamide* này tức là *sulfa-pyridine* mà hãng S. P. E. C. I. A. đã dùng để chế thuốc Dagenan và

(Xem tiếp trang 22)

Khảo cứu về «tuổi chết» của ta

NGUYỄN THIỀU LẬU

Khảo-cứu về tuổi các người chết là làm một công việc *tech-lol*, có tính cách *khoa-học*. Nhưng không phải ai ai cũng làm được: chỉ riêng cho các ông Phủ, Huyện hay các ông Thừa - phái mà thôi vì các ông này có sẵn tài-liệu.

Tài - liệu là các sổ khai tử của các làng

Cứ hết mỗi năm, hộ-lại các làng đem sổ sinh, tử, giá-thủ lên phủ, huyện trình quan; rồi các sổ đó giữ lại ở phủ, huyện.

Ta không cần biết là sổ tử có khai đủ các người chết không.

Ta chỉ muốn biết là người chết bao nhiêu tuổi và có bao nhiêu người chết cả thảy, trong thời gian một năm chẳng hạn.

Ta làm bản thông-kế như sau này;

1. — Bao nhiêu trẻ con, chết dưới 2 tuổi
2. — Bao nhiêu trẻ con chết từ 2 đến 5 tuổi;
3. — " " 5 — 10 —;
4. — " " 10 — 15 —;
5. — " " 15 — 20 —;
6. — Bao nhiêu người chết từ 20 — 25 —;
7. — " " 25 — 30 —;

vân vân...

Ta cứ xếp tuổi các người chết từ 5 đến 5 tuổi cho đến 100. Như vậy ta có 21 hạng khác nhau.

Ta sẽ đếm xem trong mỗi hạng có mấy người.

Ta giữ sổ từng làng một.

Rồi cộng các con số theo từng tổng.

Cộng các tổng thành huyện.

Công việc làm mới nghe thôi cho là chán và lười. Nhưng thực ra (bất tài và chướng).

Vào cuối tháng Aout 1944, tôi có dịp đi qua huyện Nga-Sơn (Thanh-hóa). Tôi có đem việc khảo cứu về tuổi các người chết trình quan huyện. Ông Cao xuân Thiệu, tri-huyện và ông Nguyễn viết Đăng, thừa phái có hứ là sẽ cho tôi các bản thông-kế. Nhận được bản đó, tôi vẽ một hình in sau đây.

Tôi cảm ơn hai ông Cao xuân Thiệu, Nguyễn viết Đăng và tôi mong rằng sẽ có các ông Phủ, Huyện, Thừa-phái cho tôi nhiều bản thông-kế khác, bất cứ thuộc về tỉnh nào, năm nào.

Ta cần phải có hàng trăm, hàng nghìn bản thông-kế thời ta mới có thể khảo cứu về tuổi chết của dân ta được.

Công việc khảo cứu này — cũng như rất nhiều công việc khác — cần có sự giúp đỡ của rất nhiều người.

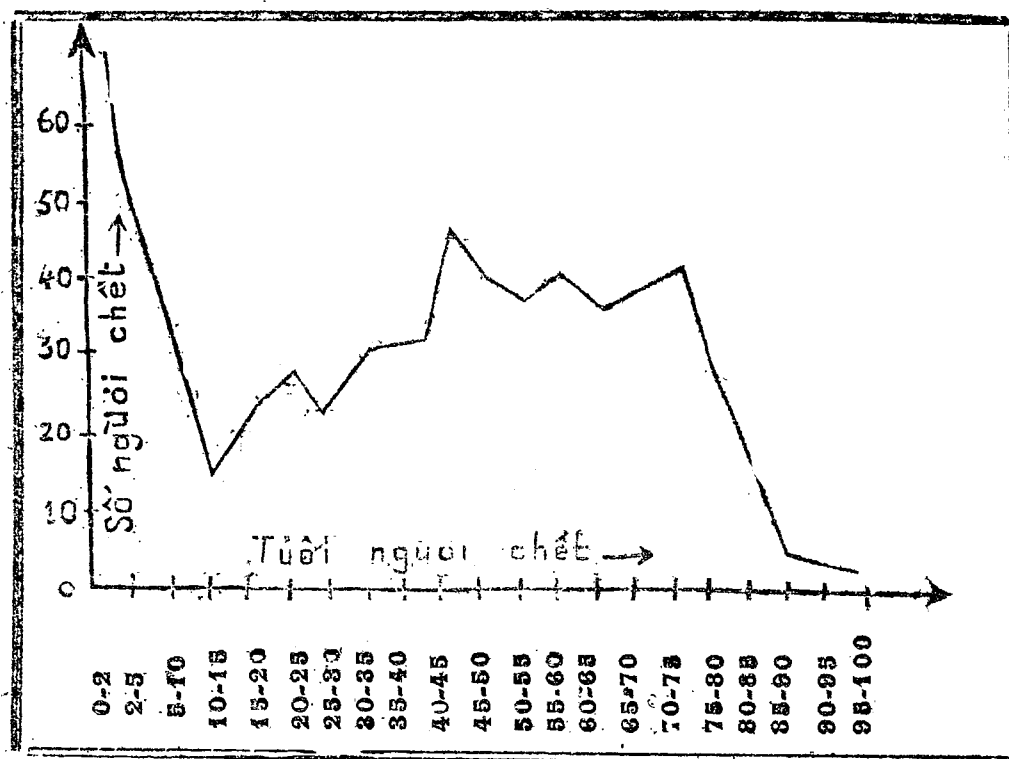
Tôi hãy theo bản thông-kế về huyện Nga-sơn năm 1943 mà nhận xét mấy điều sau này.

1 — Số trẻ con chết dưới hai tuổi là 194. nghĩa là 25 phần trăm tổng-số (tổng-số là 779).

CÁC CON SỐ THUỘC VỀ NĂM 1943

1) dưới 2 tuổi : 194	12) từ 50 đến 55 : 28
2) từ 2 đến 5 : 58	13) — 55 — 60 : 42
3) — 5 — 10 : 35	14) — 60 — 65 : 36
4) — 10 — 15 : 14	15) — 65 — 70 : 40
5) — 15 — 20 : 25	16) — 70 — 75 : 42
6) — 20 — 25 : 28	17) — 75 — 80 : 27
7) — 25 — 30 : 23	18) — 80 — 85 : 16
8) — 30 — 35 : 30	19) — 85 — 90 : 6
9) — 35 — 40 : 32	20) — 90 — 95 : 4
10) — 40 — 45 : 47	21) — 95 — 100 : 2
11) — 45 — 50 : 41	(Số cộng cả dân ông, dân bà)

BẢNG VỀ « TUỔI CHẾT » CỦA DÂN HUYỆN NGA-SƠN NĂM 1945



Vậy nhiều lắm. Số trẻ «chưa-sinh vô-dưỡng» của ta rất nhiều, vì ta nghèo, vì ta thiếu vệ-sinh; thật là một điều khổ-tâm cho ta vậy!

2. — Theo hình vẽ (graphique) thời ta thấy là cho đến mười m. đời làm tuổi và từ hai ba tuổi trở đi, nghĩa là khi trẻ đang nhón, số tử-sút nhiều.

3. — Từ 15, 20 cho đến 30, 35, số tử tăng, nhưng tăng ít. Từ 40 đến 70, số tử lằng nhằng, nhưng số người chết thường đều đều.

4. — Số người sống lâu cũng không phải là ít (27 + 16 + 5 + 4 + 2). Có hai người thọ được 100 tuổi.

NGUYỄN THIỆU LÂU

Ô-TÀ THẠ LÂU
CÁC MỆNG ĐỘC
SẼ THÀNH SỰ THỰC
NẾU CÁC NGÀI MUA VẼ SỐ ĐÔNG PHÁP (13)

MỚI XUẤT BẢN

KINH DỊCH

MỘT BỘ SÁCH (cổ nhất Đông-phương / lạ nhất nhân loại)

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

Giấy thường 30\$00

Giấy đỏ, hộp lụa 75\$00

Giấy Bạch-minh-châu, hộp gấm (hết) 200\$00

(Giá gốc 5\$00)

Thư và ngân phiếu xin gửi.
NHÀ IN MẠI LĨNH HÀ NỘI

NHỮNG THƯ-VIỆN BÌNH-DÂN

— Ở nước ngoài —

TRONG ĐỨC

(Tiếp theo)

b) Phương pháp thứ hai

Những tổ-chức mà ta đã xét về nguyên-tắc ở trên, từ những nơi Chính-phủ tự đứng đảm-nhận để cung cấp cho toàn thể nhu-cần của dân-chúng, còn thì đều chưa đạt được hoàn toàn cái mục-dịch theo đuổi nghĩa là làm cho bất cứ người công-lân nào cũng có thể tìm kiếm được dễ-dàng bất cứ quyển sách nào. Là vì dù quan-trọng đến bậc nào, cứ tự-học, những thư-viện đó cũng chỉ có một số sách hữu hạn. Thế mà nếu chúng lại phụ-thuộc vào một cơ-quan văn-hóa lớn thì chúng chỉ để dùng cho một phần dân-chúng,

Vì vậy phương-pháp thứ hai, nghĩa là thiết-lập những cơ-quan trung-gian để liên-lạc các thư-viện sẵn có thành một hệ-thống, phương pháp này có phần được nhiều kết-quả hơn. Ở hai nơi, Anh và Thụy-điển, nó được ứng-dụng với hai hình thức khác nhau.

Ở nước Anh, từ trước đã có rất nhiều thư-viện cộng rải rác khắp các quận hạt và chúng có nhiều chi-điểm ở từng khu trong các thành-thị cũng là ở các làng mạc. Ngoài ra cũng có một số rất nhiều những thư-viện thành phố độc-lập.

Để liên-lạc tất cả các thư-viện đó hai cơ-quan đã được thiết-lập, liên-lạc theo chiều đứng và liên lạc theo chiều ngang.

Cơ quan thứ nhất là Quốc-gia trung-uơng thư (National central library), có thể gửi đi rất nhanh chóng cho những thư-viện ở rất xa bất-cứ quyển sách nào, miễn là nó đừng chuyên-môn quá. Về những sách chuyên-môn có những thư-viện riêng, thường là phụ-thuộc với những viện học-giả, gửi đến cho Quốc-gia trung-uơng thư-viện, ở đây sẽ lại chuyển đi các nơi khác.

Để liên-lạc theo chiều ngang, gần đây một tổ-chức thứ hai đã thành lập, đó là những sở trao đổi sách giữa các thư-viện ở từng địa-phương. Nhờ những sở đó mà bao nhiêu sách trong nước thành ra gặp chung lại để ai cũng được đọc. Hiện nay có ba cơ-quan như thế mỗi cơ-quan hợp lại bốn hay năm quận.

Ở Thụy-điển người ta liên-lạc các thư-viện bình dân một cách hơi khác. Trong một tỉnh, thư-viện thị-xã nào tổ-chức hoạt-thiện hơn cả được gọi là Thư-viện trung-uơng và được trợ-cấp thêm để làm việc liên-lạc.

Thư-viện trung-uơng bổ-khuyết công việc của những thư-viện địa-phương trong nội khu vực do chính-phủ định; bằng sự cho mượn thẳng và không lấy tiền những sách cần cho việc kháo-cứu, bằng cách tổ-chức những thư-viện luân-chuyển và những huấn-thị chuyên-môn về sự hoạt-tác của những thư-viện.

Muốn được tuyền vào hàng những thư-viện trung uơng và được trợ-cấp riêng cho hạng đó, một thư-viện bình-dân thị-xã phải có những điều-kiện sau này: phải có một phòng đọc sách trong đó có một tủ sách kê-dẫn (bibliothèque de référence) do viên trưởng-ban thư-viện quản-nhận, phòng đó phải mở cửa cả sáng lẫn chiều những ngày thường và vào những giờ tiền cho công-chúng; các sách gồm có phải đầy đủ về số cũng như về loại; sau khi viên giám-đốc và nhân-viên dưới quyền phải có tư cách cần thiết.

III Chính sách của thư-viện bình-dân

Xong dù số thư-viện nhiều đến đâu, sách báo đầy đủ đến bậc nào, nữa người ta cũng cần phải có cả một chính-sách để hấp dẫn người đọc, nhất là ở hạng bình-dân-việc đó là cả một công-trình cần đến sự khôn khéo và rất nhiều kinh-nghiệm.

Như ở nước Pháp, theo văn-báo cao của ông Henri Lemaitre, phó-trưởng-ban danh-dự của ủy-ban thư-viện quốc-lẽ tại Viện Hợp-tác tinh thần quốc-tế, số sách để cho công-chúng đọc rất nhiều, số thư-viện (thư-viện thánh-thị, thư-viện thôn-quê, thư-viện hày-hải) rất dày đủ cả tạp loại, so với nước ít nước đã bằng. Tuy-nhiên mặc dầu điều kiện tốt đẹp đó số người đến đọc sách, hày còn ít, ối, một thí-dụ này đủ cho ta biết những thư-viện của Hội liên-hiệp những kỹ-nghệ nặng nề ra đời để hiến cho một số nhân-viên cũng công là 11.330 thợ

thuyền và người làm công, thế mà thực sự chỉ có chừng 1.512 người đọc hàng năm mượn chừng 29.739 quyển sách. Sự thất bại của phong-trào thư-viện bình dân ở đây là do sự thiếu một chính-sách thích đáng để làm cho quyển sách được phổ-cập khắp dân-chúng, để hấp dẫn dân chúng tới thư-viện, để cho những tủ-sách được thích-hợp với dân-chúng.

a) Những phương - sách làm phổ-cập quyển sách.

Ở đây người ta từng nghiệm thấy rằng cái lo việc lập cho mỗi địa-hạt, mỗi nhóm dân chúng một tủ sách, việc truyền-bá sách vẫn chưa được hoàn thiện. Cho nên ở nhiều nước, các Chính-phủ và các cơ-quan văn-hóa cố lo làm tăng những trạm lưu sách (dépôts de livres) bất động hay luân-chuyển.

Những lưu-trạm bất-động thuộc về số ít. Chúng dựa do một thư-viện địa-phương cung-cấp và đặt ở những nhà máy, giáo-đường, trường học, sở bưu-diện. Loại lưu-trạm này phần nhiều chỉ có ích ở những nước, như nước Na-Uy, có rất nhiều những nhóm dân-chúng rải rác mà đều là nhỏ nhỏ: ở đây người ta không làm đâu được một trụ-sở riêng để thiết-lập hẳn một thư-viện do một người chuyên-môn quản đốc.

Những lưu-trạm luân-chuyển thường có nhiều hơn và lợi hơn. Tự chúng vận-chuyển lấy bằng hai lối:

— Lối thứ nhất, những hôm sách luân-chuyển, ban-trưởng hơn hết. Các chúng ở bên Mỹ và hội La Bibliothèque pour tous ở Thụy-sĩ đã dùng. Những hôm dựng trung-bình được một trăm quyển sách đều tập một cơ-quan trung-uong gửi đến và lưu ở những nơi thuận-tiện cho tất cả mọi người, ở đây có một người cử ra chịu trách-nhiệm. Chính những hôm sách luân-chuyển này đã kích-thích người đọc ở nhiều nơi và đã đưa đến sự sáng-lập hẳn những thư-viện thường-trực tại những nơi đó,

— Lối thứ hai là những thư-viện luân-chuyển hiện giờ còn ít nhưng rất có cơ ban-trưởng. Đó là những loa xe dựng những sách giải-trí hay những sách thích hợp với khách hàng; những xe đó tới mỗi làng vào những ngày nhất định, hoặc từng kỳ hạn đưa đến đến dừng ở trước những lớp nhà heo-tan ở thôn quê. Viên chủ-đạo-thư-viện đổi sách và chỉ dẫn cho những độc-giả mới. Chính sách này đã áp dụng một cách độc-biệt ở Nam-đương qua các đạo và ao Chính-phủ quản-đốc, ở Tây-ban-nhật do những câu-lạc-bộ văn-hóa; ở Đan-mạch chỉ, những ngày đi đến đến vì sự mở mang những thư-viện bất-động.

L) Những phương-sách hấp-dẫn người đọc.

Mong sách đến gần đến chúng chưa đủ lợi còn phải làm thế-nào cho họ muốn đọc, làm cho họ năng đến thư-viện mới được.

Những phương-sách thứ nhất mục đích là gây cho dân chúng sự ham thích đọc sách ngay từ thuở nhỏ. Vì vậy ở nhiều nước như Bỉ, Thụy-điển chẳng hạn, những tủ sách của các trường học được trợ-cấp khá nhiều để gây cho trẻ em thói quen đọc sách. Có khi ngày trong chương-trình bậc sơ-học đã đặt ra những giờ đọc sách giải-trí do các giáo-viên coi sóc. Mục đích của những giờ đó, khác những giờ tập đọc giống nghĩa, chỉ cốt gây cho học trò tình ưa đọc sách, kêu gọi ở chúng cái khiếu thưởng-thức sự đẹp hoặc làm cho chúng chú ý tới một ngành học-vấn.

Một phương-pháp khác để gây sự ham muốn đọc sách cho những người lớn và đã do vài công-cấp về thư-viện ở nước Pháp áp-dụng có kết-quả là những buổi đọc sách chung giữa những công-chánh hưu-hạ. Ở đó phải có những người đọc sách thiện nghệ, gần như những kịch-sĩ vậy, có tài lôi kéo người nghe, gây ở họ cái thú biết thưởng-thức một tác-phẩm. Sau những giờ đọc-sách đó người ta lại cho bình-giả mượn để xem lại những đoạn sách đã đọc.

Có những phương-sách khác cốt để làm cho mọi người đều vào thư-viện được dễ dàng. Đó là mở cửa phải hợp với giờ rảnh của đám dân lao động, như mở buổi tối và ít nhất là buổi sáng những ngày lễ; phòng đọc sách phải đặt ở trung tâm khu người ở; sự mượn sách không mất tiền tiền không cũng bằng giá rất rẻ; những điều lệ để được vào đọc sách phải rất ít và rất giản dị.

Ngoài ra lại còn những phương sách chủ-trọng làm cho các thư-viện đủ điều kiện nghỉ ngơi, cảm dễ lôi kéo người đọc: như sự trang hoàng, bố trí phòng, đọc sách (có khi người ta lập những phòng chiếu-ảnh, nghe máy truyền thanh hay máy lưu thanh để khuyến khích sự đọc sách bằng âm-thanh và bằng hình-ảnh); sự trình bày những tác phẩm (những bộ sách, động có mỹ thuật và ít dễ bán).

Sau hết là những phương sách rất khác nhau qua các nước để mách báo công chúng cho họ biết trong thư-viện có những gì, quảng cáo trên tờ báo và trên báo chí; gửi đến tận nhà những trích-lược rất trong sáng kẻ tên sách và có thêm lời bình luận; niệm yết ở những sách, những nhà công cộng

LÔI VŨ

BI KỊCH CỦA TÀO NGU

ĐẶNG THÁI MAI dịch

(Tiếp theo)

Quý — (cúi mình, lưng hơi khom xuống)
Bà, bà đã đi ?

Phồn y — (có vẻ sợ) Bác đến làm gì ?

Quý — (cười nịnh) Con đến hầu thăm bà đây thôi ạ. Con chờ mãi chỗ cửa đây đến nửa tiếng đồng hồ.

Phồn y — (vỗn bình tĩnh) A ! vừa rồi bác chờ chỗ cửa này ư ?

Quý — (nói khẽ) Bà, bà vắng ạ (có vẻ bị một). Con thấy anh cả con đang cón biện bạch gì cùng bà cho nên con... (lại cười nịnh)... con không dám vào.

Phồn y — Nhưng bác định trở lại làm gì kia ?

Quý — Bà, bà, nguyên con cũng chỉ có ý vào hầu bà để trình bà rõ rằng: lúc tối anh cả con say rồi có lại đảng nhà con. Nhưng bây giờ con được biết rằng bà cũng có lại qua đảng ấy, thì con tưởng không phải thừa thêm nữa.

Phồn y — Bây giờ bác định thế nào ?

Quý — (có vẻ xác) Con định vào gặp cụ ông một tí.

Phồn y — Ông đi nghỉ rồi, bác gặp ông làm gì kia ?

Quý — Bà cũng không có gì ạ. Nếu như bà sắp đặt cho được thì con cũng không phải vào hầu cụ ông làm gì. . . . (ra vẻ quan trọng) Mọi việc đều tùy bà liệu định cho con được nhờ thế nào cũng hay.

Phồn y — Thì bác nói đi, xem tôi có thể giúp được bác tí nào không,

Quý — (về giáo quyết) Nếu như bà sắp đặt để cho dễ con không phải vào hầu cụ ông thêm phiền thì hay lắm. (cười lại) Thế thì để nhiên cho cả mọi người.

Phồn y — Thì nhà bác muốn gì cứ nói đi
Quý — Bà đỡ đầu cho, thiết là bà tích phúc tích đức . . . Dẫu gì là chúng con thì chỉ xin bữa ăn.

Phồn y — (về không bằng lòng) Bác tưởng rằng tôi : ... (điệu giọng lại) Nhưng thôi, thế cũng chẳng lẽ gì...

Quý — (sung sướng) Thiết con đợi ơn bà. Vậy con sẽ ăn bà ban cho con mấy ngày nghỉ rồi lại cứ vào làm vậy.

Phồn y — Ừ, thì sau lúc dọn đến đảng nhà mới một hôm hai bố con bác lại gõ về vậy.

Quý — (chấp tay vái) Bà, bà, phúc đức bà ban, con xin đợi ơn A chết ! con còn quên : bà, bà đã thấy anh Hai con về chưa ?

Phồn y — Chưa thấy.

Quý — Bà, hình như vừa rồi bà cho anh con đưa thưởng chúng con 100\$ thì phải.

Phồn y — (có vẻ chán) Ừ...

Quý — Bà, bà, nhưng vừa lúc ấy, thì tại thẳng cả chúng con về lại (chỉ vào món tiền ấy đi).

Phồn y — Thẳng cả tạo kia ?

Quý — Là là ti đảng Hai chúng con ấy mà... thẳng chỗ chết ấy mà !

Phồn y — Thế nào nữa ?

Quý — Chẳng là mẹ Thị Bình nhà con thực quả chưa biết rằng bà có lạn cho số tiền ấy...

Phồn y — (đặt mình, như nói mới mình) Thị Bình ?... (về thăm tìm) Thị Bình là ai kia ?

Quý — (ngờ rằng Phồn y khinh rẻ mình) Bà, Thị Bình là con mẹ Thị Bình, là con ấy... mẹ già Quý ấy mà.

Phồn y — U ấy tên là Thị Bình ư ?

Quý — Bà, bà nó cũn ? biết chứ k a đấy Tên nó nghe cũng nhà nhà chết định.

Phồn y — Hai chữ tên Thị Bình ấy là viết thế nào, bác còn nhớ không ?

Quý — Bà, con, ... còn, ... (khó chịu cười gượng) con quên mất rồi ; nhưng hình như cái chữ Bình tên nhà con viết cũng in chữ Bình mà anh cả con ấy.

Phồn y — A! Bác xem... (nhặt tấm ảnh của anh xuống đất đưa cho Quý xem). Xem có quen người này bao giờ không?

Quý — (Nhìn kỹ, càng rồi ngẩng đầu lên) Bầm bà không.

Phồn y — Trong những người bác quen không có ai giống người ấy cả ư? Cố nghĩ lại xem.

Quý — (lắc đầu) Bầm bà không, không ai giống sớt! Bầm bà sao bà lại hỏi thế?

Phồn y — (về nghĩ ngợi và nghĩ ngợi) Có lẽ ta nhớ lầm chăng? (ngồi xuống).

Quý — (về, thêm, thủng) Dạ... Bầm bà vừa rồi bà ó ban cho cháu con 100\$ nhưng mà cái thằng Hải nó lại giả lại đi không chịu nhận. Bà tính....

(Cánh cửa giữa mở hé)

Quý — (nghe tiếng gõ lại hỏi) Ai đấy?

(Hải đi vào, quần áo ướt, rết mặt âm thầm; mặt nhìn khắp bốn góc phòng có vẻ vừa mệt vừa giận. Phồn y nhìn Hải ra dáng sợ hãi).

Hải — (hỏi Quý) Dượng ở đây à?

Quý — (có vẻ tức) Ở.... Mày làm thế nào mà vào được đây?

Hải — Cửa sắt to khóa lại rồi, tôi gọi chả được, tôi trèo tường tôi vào chứ sao.

Quý — Mày lên đây làm gì? Sao không ở nhà xem để mày đã tìm được con Phượng chưa?

Hải — (lấy chiếc khăn lau nước mưa trên mặt) Tìm mãi không thấy, để còn chờ ngoài cửa ấy, di ông có ti ấy con Phượng không?

Quý — K ời g. Tao chả ti ấy. Kệ nó, chắc nữa nó về giờ đây. Thôi mày về cùng tao vậy, Công việc ở đây xếp cũng ổn rồi. Thôi ta đi về.

Hải — Thì cha về.

Quý — Mày đi làm gì kia?

Hải — D ượng cũng bằng khoán đã. Hãy đi gọi bố Anh Cả trong nhà ra đây, tôi tìm ra rồi được.

Quý — (nghe rồi) M ỹ muốn gì nữa kia? Tao vừa tha xẹp xong, mày lại đây mà phá đám ư?

Hải — Không mà, tôi chả làm gì đâu, tôi muốn nói chuyện nó mấy câu chuyện

Quý — (không tin) Tao xem mày thế nào đấy, nhất định mày lại muốn....

Hải — (bộ đã lộn, như ngay chỗ đó Quý) Có đi gọi không thì bảo?

Quý — Thì để tao đi, tao đi má, buong ra đã nào!

Hải — Được (buong Quý ra) Đi ngay đi!

Quý — Này Hải này mày, mày phải hứa cùng tao: anh xuống đây mày nói vài câu chuyện thôi chứ không....

Hải — Phải rồi, tôi nói thật là phải tôi lại đây để gây chuyện đàn mà

Quý — Thiệt nhé.

Hải — (đi tới cạnh Quý, nhìn vào mặt) Có đi không thì bảo?

Quý — Tao, tao mà Hải này mày, mày....

Phồn y — Bác Quý, bác cứ đi gọi nó xuống. Có tôi ở đây. Không hề chi.

Quý — Vâng, được (bảo Hải) Nhưng này: tao mời anh Cả xuống xong xuôi là tao đi đằng tao đấy nhé. Tao (cười) tao còn có việc tao nữa chứ.

Hải — A! dượng nhớ bảo chúng nó mở cửa cho dễ vào với, đưa đồ vào trong một phòng nào đó kẻo đồ ở ngoài kia mưa to.

Quý — Được, được (vừa nói vừa đi về phía buồng ăn) xong đây rồi, tao còn có việc, tao phải đi.

Hải — Đứng lại tí đã! (đi lại gần Quý nói nhỏ) Này: vào trong ấy không gọi nó mà bỏ đi thẳng thì cần thận đấy nhé, về nhà tôi bảo cho!

Quý — (hậm hực) A! Thằng này, mày, mày... (nói nhỏ) Đồ chó đẻ! (đi vào phòng ăn)

Phồn y — (cùng lên) Anh là ai?

Hải — (về lễ mưng) Anh con Phượng.

Phồn y — (dị giọng) Anh lại đây, định tìm con Phượng sao? Và lại cần gặp anh Cả nữa ư?

Hải — Phải.

Phồn y — Chưa chắc anh Cả đã chịu gặp anh đầu.

Hải — Cái ấy cũng có lẽ.

Phồn y — Có lẽ nó định lên đâu ngay bây giờ.

Hải — Thế nào kia?

Phồn y — Ừ, nó sắp phải đi.

Hải — (giận dữ) A! nó định đi, nó....

Phồn y — Phải rồi! nó....

(Bình đi từ phòng ăn đi ra, nhìn thấy Hải có vẻ cuống, nhưng cũng miễn cưỡng gạt đầu. Tiếng nói lúc đầu hơi rung, dần dần Bình cố trấn tĩnh lại)

Bình — (nhìn Hải) A!

Hải — Hay lắm! Cậu còn chưa đi à? Này! Anh hãy mời bà ấy đi vào đi: tôi có chuyện cần nói riêng với một mình anh.

Bình — (nhìn Phồn Y, Phồn Y vẫn đứng im, Bình sẽ đi đến cạnh, Phồn y đề mời mẹ lên gác thì tiện hơn.

Phồn y — Được rồi.

(Phồn y đi ra: trong chốc lát Hải và Bình đều nắm chặt nắm tay lại)

Bình — (rung tiếng) Ai ngờ đầu giờ này anh còn dốt đây.

Hải — Nghe nói cậu Cả sắp đi.

Bình — Nhưng cũng còn kịp chân, anh lại bây giờ cũng còn vửa, anh tỉnh làm gì kia? Tôi sắp đặt xong cả rồi.

Hải — (nhếch miệng cười có vẻ độc ác) Sắp đặt xong cả rồi kia à?

Bình — Ừ.

Hải — (tới sát mặt Bình) Này! (tát mạnh vào chỗ bị thương nơi mặt Bình máu bật ra).

Bình — (nắm chặt nắm tay để đè nén lòng giận dữ) Mày... mày... (nhìn hằn, lấy mũi-soa lau máu trên má.)

Hải — (nghe thấy) Mày định đi nữa thôi?

Bình — (cố ý nhẹ) Tôi vẫn đã nghĩ là sẽ thế này từ trước kia.

Hải — (cười độc ác) Nghĩ từ trước rồi ha à?

Bình — (lặng thinh) Tôi thấy rằng giữa chúng ta thì nhều chỗ hiểu lẫn nhau quá!

Hải — Hừ! làm gì? (nhìn thấy máu ở tay, lau ngay vào áo) Tôi không hiểu lẫn anh tôi biết anh chỉ là một thằng không có huyết tính, chỉ là đồ khốn nạn, chỉ là một thằng thích khoái lạc một mình!

Bình — (hạ giọng) Chúng mình gặp nhau hai lần đều là những lúc tôi hư tâm hẳn tính cho nên anh có thể cho tôi là một người hư hỏng hết sức.

Hải — Chối làm gì! Anh là cậu cả, tâm địa anh là ăn mày! Các ngài là bọn tìm được miếng cơm quá dễ dàng thừa hơn thừa sức không biết dùng lẫn gì, thế là đi đi dình con gái nhà nghèo, xong đó là thôi đấy, trách nhiệm mặc ai hết!

Bình — (vỗ thắt lưng) Bây giờ đây cũng chẳng cần biện bạch làm gì với anh. Tôi biết, biết rằng: anh tại đây đã có mục đích sẵn. Thôi thì trong mình anh có khẩu súng, có con dao nào cứ đưa ra, tôi bằng lòng để cho anh kết liễu tôi đây.

Hải — (khinh bỉ) Cậu cả đang còn làm bộ khi-khái đến thế kia?... Này! trong nhà nhà anh ngó bộ anh còn thông minh hơn hết cả đấy, nhưng thôi! Thứ anh đang gì, mà tôi phải làm thế; tôi đại gì mà đưa cái thân hữu dụng của tôi đi đổi lấy cái mạng chết-nửa của anh?

Bình — (nhìn thẳng vào mặt Hải) Anh tưởng là hèn giờ tôi sợ anh đấy hử? Không, anh lầm. Tôi sợ gì anh, tôi chỉ sợ tự tôi đây này, tôi đã lầm một lần rồi, tôi không muốn lầm một lần thứ hai nữa.

Hải — (cười chế giễu) Tôi thấy cái thế người như hạng anh sống, đã là lầm to rồi. Hồi này nếu không có để tôi, thì tôi đã thụt ngay anh rồi kia. Bây giờ đây, cái mạng anh vẫn trong tay tôi mà!

Bình — Chết đi, là may mắn cho tôi chứ sao! (chưa dứt) Anh tưởng tôi sợ chết, không, không đâu! Tôi chán sống lắm rồi, tôi vui vẻ chờ anh, tôi bằng lòng kết thúc: tôi là người không thích sống nữa.

Hải — A ! Anh... không thích sống nữa ? nhưng anh còn lời kéo con em bỏ đi xinh tuổi trẻ và đại dật, cần tôi, đi hầu anh, đi hầu anh !

Bình — (cười gượng) Anh tưởng tôi ích kỷ đến thế kia ư ? Anh cho tôi là người không có gì là can trường, dễ dàng em anh, rồi bỏ rơi nó ư ? Anh không hỏi em anh xem, nó biết tôi yên nó đến chừng nào. Tôi nói thật cùng anh chỉ nhờ nó mà lâu nay tôi còn chút hy vọng sống lại....

Hải — Anh nói khéo lắm ! Thế thì làm sao anh không lấy ngay nó đi ?

Bình — Ấy là câu chuyện hơ hởi nhất của tôi. Trong một hoàn cảnh hờ hởi quá, anh nghĩ xem : gia đình của tôi có bao giờ vui lòng cho tôi làm vậy không ?

Hải — A ! Bởi thế cho nên một mặt thì anh nói anh thực lòng yêu nó, càng nó làm những việc xấu hổ đến đâu cũng làm, và một mặt nữa anh lại quy đổ gia đình anh, đổ ông cụ chủ, bà của anh.

Rồi đây người nhà nhà anh sẽ bảo anh bỏ phăng nó đi, để đi lấy một cô tiểu thư nào cho môn đăng hộ đối chứ gì.

Bình — (tức tối) Thế sao anh không hỏi Phượng xem, em anh cũng biết rằng lần này, tôi sẽ bỏ nhà ra đi là cũng chỉ vì muốn xa hẳn bà tôi, muốn thoát ly gia đình để tìm dịp tốt mà kết hôn cùng Phượng chứ sao !

Hải — Anh bao giờ cũng khéo chối. Vậy chứ vừa rồi nửa đêm trời tối, anh đi lại đằng nhà chúng tôi làm gì ? Anh chối nữa thôi ?

Bình — (tức tối) Tôi không chối, tôi không cần gì chối với anh ! Bây giờ đây là tôi xem anh là anh Phượng, cho nên tôi mới nói như thế. Tôi yêu Phượng, Phượng cũng yêu tôi ; chủ g mành đều trẻ tuổi, chúng mình đều là người, hai đứa trai gái luôn luôn gần gũi cùng nhau thế nào cho khỏi chuyện nợ kia. Nhưng tôi chắc rằng sau này bao giờ tôi cũng sẽ đưa Phượng một cách tử tế, tôi sẽ lấy Phượng làm vợ, tôi sẽ không bao giờ ăn ở tệ cùng Phượng.

Hải — Nếu vậy anh nói cũng có lý. Nhưng ai tin được rằng cậu cả con cụ chủ nhà này rồi đây sẽ yêu mãi mãi em một tháng thợ, con một mẹ u già ?

Bình — Cái ấy, cái ấy... cái ấy tôi cũng có thể nói thiệt cho anh biết. Là vì có người đàn bà đã bắt buộc tôi, ép uống tôi phải làm thế.

Hải — (nói khẽ) Thế nào ? Lại còn người đàn bà nữa kia ?

Bình — Ừ, chính là cái bà anh vừa thấy ở đây hồi nãy ấy.

Hải — Bà nào kia ?

Bình — (khẽ nảo) Bà ấy chính là kẻ mẫu của tôi đấy ! A ! Một câu chuyện tôi đã vùi lấp trong lòng mấy năm giờ nay không hề dám nói cùng ai hết.... Con người cũng thông sách vở, cũng có giáo-dục, thế mà... vừa gặp nhau là bà ấy bỗng đeo đẳng mối tình, rồi nhất định... Kể ra trong câu chuyện này tôi cũng có một phần trách nhiệm.

Hải — Con Phượng có biết thế không ?

Phượng — Phượng biết chứ, tôi cũng biết là Phượng biết (buồn bã). Hồi ấy tôi hồ đồ quá đi mất ! Về sau, mình càng làm lỗi lại càng sợ, càng bức, càng chán, chán với mọi tình không tự nhiên ấy, anh hiểu không ? Tôi muốn xa người ta, nhưng người ta nhất định không buông tôi, nhất định vùi chặt lấy tôi. Thứ người ấy là mẹ, là quý gì ấy, tuyệt không e-dè sợ hãi tí nào ! Anh có hiểu rõ không ? Thật tôi chán chường quá đi mất ! Rồi tôi say sưa nhảm nhí, tôi chỉ muốn bỏ đi, chết, cũng cam lòng. Vì một con người ấy mà tôi ghét bao nhiêu đàn bà có học hành và chỉ chính chuyện mặt ngoài. Sau đó, may tôi gặp được Phượng, Phượng làm cho tôi hiểu sự lẽ, cho nên tôi lại sống thêm được một năm nay nữa.

Hải — (bất giác thở dài) A ! ..

Bình — Bấy nhiêu câu chuyện, mấy năm giờ nay tôi có nói cùng ai đâu thế mà... (nói thông thả) lẽ cũng lạ, hôm nay lại đi nói cùng anh !

Hải — (vẻ âm thầm) Đây có lẽ là câu chuyện nghiệp báo của bà anh cũng sao !

Bình — Đứng, đừng nói nhảm!... Sở dĩ tôi đã nói cùng anh câu chuyện đó là chỉ vì nh là anh ruột Phượng và tôi cũng muốn cho anh tin rằng tôi thực lòng, muốn anh tin là tôi không hề lừa Phượng mà thôi.

Hải — Vậy thì anh định lấy con Phượng thật, phải không? Anh cũng biết nó là một đứa con gái dần hết sức, nó không thể lấy một người nào khác nữa kia.

Bình — Ủ! Hôm nay tôi đi, chừng vài tháng nữa tôi sẽ về đón Phượng.

Hải — Nói thế thì nói, chứ ai tin được miệng cậu cả nhà cụ chủ!

Bình — (rút trong túi ra một bức thư) Anh chỉ đọc bức thư này thì rõ, tôi vừa mới viết cho Phượng mấy chữ này để nói về chuyện đó.

Hải — Dưa cho tôi xem gì? Tôi chả thừa công đọc những cái ấy rồi.

Bình — (nghe gọi một chốc, ngừng đầu lên) Thế thì bây giờ đây tôi cũng chẳng có gì làm đảm bảo nữa. Nhưng trong cái bị-rít của anh kia, đang còn khi giới giới người được đấy, anh không tin tôi, thì đây: tôi vẫn còn đang ở trong tay anh.

Hải — Chao! cậu cả, cậu tưởng tôi đã tha cho cậu rồi đấy hẳn; cậu tưởng tôi đã bằng lòng gả em tôi cho thứ người như cậu rồi chắc? (vội rút khẩu súng ra).

Bình — (tiếng nói hơi rung) Anh muốn gì kia?

Hải — Tôi muốn giết ngay anh đi. Bố anh tuy họ, nhưng nhìn còn xuôi mắt; đến anh thì thiệt là một đồ vô dụng trên thế-giới này, anh chỉ là một đứa hèn nhát.

Bình — Ủ, thế cũng được, anh cứ bắn tôi đi (nhắm mắt).

Hải — Nhưng thôi!... (thở dài, đưa súng cho Bình) tôi gả súng cho anh vậy. Của này cũng của nhà các anh trên mỏ ấy đấy.

Bình — Thế nào?

Hải — (Đuổi bắn) Chả thế nào hết! Các cụ già bao giờ cũng rất là vớ vẩn. Tôi biết đồ tôi,

con Phượng là cả thân mệnh của đồ,.... bây giờ tôi chỉ cần một điều là anh bảo con Phượng chăm nom lấy đồ tôi họ, tôi cũng chẳng muốn nói gì nữa.

(Bình định nói, nhưng Hải gạt tay không nghe, Bình buồn bã đi đến trước bàn đặt khẩu súng xuống)

Hải — Bây giờ tôi nhờ anh gọi con Phượng ra đây hộ tôi.

Bình — Làm sao?

Hải — Gọi con Phượng ấy chứ gì, nhất định nó đang còn ở đây.

Bình — Không, không. Phượng nó vẫn ở nhà kia mà!

Hải — Đâu! để tôi cùng tôi đi tìm nó giữa mua giữa gió ngọt hai giờ đồng hồ mà chả thấy. Bởi vậy tôi mới nhất định là nó ở trong này.

Bình — Thế là hai giờ này Phượng đi giữa cơn giông, nó,.... nó đi vào đâu mới được chứ?

Hải — Nửa đêm trời tối này, nó vào đâu được?

Bình — (bỗng ra vẻ sợ hãi). Cất rồi! Không khéo nó lại..... (ngồi sụp xuống nhìn ra ngoài cửa)

Hải — Anh cho là nó..... không chả có lẽ. Không, tôi chắc nó chả có gan ấy đâu!

Bình — (rùng mình) Có thể lắm chứ chẳng không đâu! Anh không liếc Phượng. Nó trọng danh giá lắm kia! mà nó lại cả gan nữa. Nó... nhưng lẽ nào, Phượng lại không gặp tôi đã, lẽ nào nó lại đi..... liều mình như vậy?

(Im lặng trong chốc lát)

Hải — (dột ngột) Thôi thôi định anh vờ, anh định lừa tôi. Anh nói thật đi. Nó ở trong nhà anh, nó ở trong nhà anh ấy!

(Tiếng huýt sáo nhỏ nhỏ bên ngoài)

Bình — (đục tay bảo Hải đừng nói) Im! Đừng ồn! (tiếng huýt sáo nghe gần lại, Bình mừng rỡ) Phượng, Phượng đây rồi, tôi nghe rõ!

Hải — Thế nào?

Bình — Tiếng Phượng huýt sáo đấy. Mỗi lần chúng tôi gặp nhau đều huýt sáo như thế.

Hải — Nó đâu?

Bình — Chắc là ở trước vườn hoa.

Bình he cửa sổ hút sáo, tiếng hút sáo bên ngoài lại gần thêm.

Bình — (ngoảnh lại bảo Hải, cười, nước mắt lưng tròng)

Phượng đây!

Tiếng gõ nơi cửa giữa

Bình — Bây giờ anh hãy (ánh) qua phòng này một chốc. Phượng nó không hề tưởng là anh ở đây. Tôi e rằng nó thấy anh nó sẽ sợ hết hồn.

Lật đật đem Hải đi về phía phòng ăn, Hải đi vào

Tiếng phía ngoài — (rất khẽ) Anh Bình! Anh Bình!

Bình — (chạy nhanh đến cửa giữa) Phượng! (mở cửa) Vào đây.

(Còn nữa)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

Thu viện bình dân

(Tiếp theo trang 14)

bảng kê những sách mới phụ thêm lời chú giải làm cho dễ tra cứu các sách được giản dị; sau hết một phương pháp rất quan trọng là công việc thông-tin của viên chuồng thư-viện. Công việc của viên này không phải là chỉ có phân phát sách mà còn phải hướng dẫn người đọc sách một cách thông minh, nhã độ và dể lực.

c) Những phương sách làm cho thư-viện thích hợp với từng hạng người đọc

Có ba loại:

— Những phương sách thứ nhất là tùy theo trường hợp thuận tiện sáng lập những thư-viện chuyên môn. Vì vậy ở phần nhiều nơi có những thư-viện riêng cho thợ thuyền nhà máy cho nông dân, cho thủy thủ, những thư-viện cho tiểu công-nghệ, cho bệnh viện. Riêng những thư-viện cho nhi-đồng được mở mang và chú-trọng đặc biệt để gây cho dân chúng sự thích đọc sách từ lúc còn nhỏ, và cũng để chọn lọc cẩn thận những sách thích hợp cho trẻ em.

— Những phương sách thứ hai có mục-dịch là ngay trong những thư-viện chung làm thế nào cho có đủ sách thích hợp cho đủ hạng người đọc. Người ta phải có sổ kê dẫn các sách hay đặt ra nhiều phòng riêng tùy theo hạng người đọc hoặc tùy theo môn loại.

— Sau hết người ta đã nghĩ rằng phương pháp tốt hơn hết để làm cho quần sách thích hợp với độc giả bình dân là xuất bản những tập thư riêng cho từng hạng. Vì vậy ở Hoa-kỳ, dưới các nhơn đề là Reading with a purpose Hội thư-viện đã phát hành một lứa những thư mục phân tích trong có chỉ dẫn tường tận về những tác phẩm riêng thích hợp cho bình dân. Ở nước Hung, viên Tổng-trưởng Học-chính đã cho biên tập những Sách học cho dân chúng Hung, ở nước Lỗ, bộ Lao-động đã cho ấn hành, dưới cái nhơn đề là Lao-động tăng thư, một lứa những sách học thông thường hay chuyên môn cùng một khuôn khổ và có tranh ảnh.

TRỌNG ĐỨC

Trong một số sau: Tình-trạng hiện thời của những thư-viện bình dân ở xứ ta và Đề-nghị một chính-sách thích-hợp về thư-viện bình dân.

NHÀ XUẤT BẢN "THỜI ĐẠI"
214 - Hàng Bông - Hanoi

BẢ CUỐN SÁCH SẮP RA

LO TÂN

ĐẶNG THÁI MAI

TRƯỜNG CẢ

XUÂN DIỆU

HỒI THO'TÂN

NGUYỄN HONG

CƠN MỘT ÍT

VANG BÔNG MỘT THỜI

của NGUYỄN TUÂN

NGÂM NGẢI TÌM TRẦM

của THANH TỊNH

BẢN KHOẢN

Có ANH THO

Giống tiểu thuyết đã chấm dứt cuối cùng, Văn sung sướng thở một hơi dài. Thế là từ đây tâm hồn nàng được giải thoát một phần. Gần mất một năm rồi còn gì. Văn cảm ơn, bạn bè vì nó biết bao! Bây giờ là lúc nàng được nghỉ ngơi, thỏa mãn như một người mẹ qua thời kỳ thai sản khó nhọc, nằm mỉm cười nhìn đứa con yêu. Từng trang lại từng trang bên tay nàng lướt về. Ồ, gọi tác phẩm là một đứa con yêu thực không quá đáng! Nó đã mang cả nguồn sinh lực nóng hổi của Văn là gì? Nhìn những dòng chữ nhỏ nhắn chỉ chít như muốn cựa quậy, rầy rụa với cái sức mạnh tiềm tàng. Nàng vui sướng tưởng tượng trước cái tương lai rực rỡ, hầu là phải hơn những quyển đã ra đời. Bởi vì, ngay từ lúc mang thai, nàng cũng mang luôn cái ý muốn phải tạo cho được đẹp hoàn toàn. Nhưng thực ra nó có được như ý định của Văn không? Và đó mới là điều băn khoăn cho nàng.

Văn cố dẹp lòng tự ái dễ được bình tĩnh mà nhận xét. Nàng thấy tác phẩm của mình không một chỗ nào hỏng. Nhưng mà... hình như Văn còn viết được hay hơn thế nữa kia. Những khung cảnh chưa được đẹp lắm, và tâm lý các nhân vật không được sâu sắc, rời rạc. Nhất là các tri tiết còn mơ hồ quá! Văn cần phải sửa chữa, thêm bớt lại, và nàng bắt đầu liền.

Những ngày cặm cụi lại kẻ tếp, Văn làm việc bằng cả tấm lòng hăm hở thiết tha. Không! Nàng không phải không muốn là nhà văn chỉ của một thời. Nhất là cũng không cần đem văn chương để mưu việc hồ khẩu. Vậy tại sao lại không cố gắng để tạo cho tác phẩm mình được thật tuyệt mỹ? Mặc dầu có mất nhiều thì giờ và sức khỏe. Tưởng tượng khi đưa nó ra đời, tên tuổi nàng đã được rực rỡ chói lòa, Văn thấy hoa mắt và càng muốn một ngày một tiến mãi không ngừng.

Nhưng qua ba tập với bản thảo với ba lần biến thể. Những bản khoản của Văn lại càng thêm bản khoản. Hình như tài năng không đạt nổi thì phải được Văn cố gắng cũng chỉ thấy nó hay hơn trước ít nhiều. Nhưng hay hơn đâu phải là hoàn toàn? Văn muốn được nó phải thật tuyệt mỹ kia.

Rồi Văn lại đọc lại tác phẩm của mình, để hòng tìm thấy được đôi chỗ khuyết điểm. Nhưng lần này thì thật không còn chỗ nào phải sửa chữa. Văn mà còn cố chau chuốt thì chỉ như một lớp phấn đánh dày trên khuôn mặt, làm mất cả nguyên chất tươi mát của làn da. Tuy vậy, khi gấp cuốn sách lại, Văn lại mang máng thấy nó vẫn còn khuyết điểm rất nhiều. Có lẽ đến phải viết lại cả quyển.

Nhưng nàng không biết, không hiểu rõ phải viết lại thế nào. Sự tuyệt mỹ lúc đó như một cánh hồ điệp ảo huyền qua ngòi bút. Văn cố gắng cũng chỉ nắm được chút hương phấn mỏng manh. Nàng thấy chán nản và rất bức mình! Cứ mãi thế này có lẽ Văn đến phát điên lên mất!

Hay là cứ mặc quách? Nó muốn hay thì hay, muốn dở thì dở. Cứ cho nó ra đời rồi sẽ hay!

Và nàng nghĩ thêm một cuộc đời bình thản là ngàn nào! Bình thản, dễ bằng lòng. Văn nhớ lại mấy năm về trước nàng viết đâu có khó tính như bây giờ. Vậy mà những quyển đó cũng không phải vô giá trị. Câu trả lời đến ngay: Không vô giá trị nhưng cũng không được hoàn toàn. Và nàng chẳng đã bao lần khổ sở vì sự thất vọng đã vội cho tác phẩm ra đời đó ư?

Không! Nàng không thể cứ kéo dài sự băn khoăn từ tác phẩm này sang tác phẩm khác. Thế nào cũng phải thành công. Nhất là ở quyển này, nàng đã viết nó với bao tình yêu dấn, nàng niu. Và đã gửi ở nó cả nỗi niềm thầm kín của tâm tư. Ngày hôm nay Văn không viết được thì ngày mai, ngày kia. Thời gian chẳng là một sức mạnh hun đúc cái tài non nớt trở nên già dặn là gì? Văn hãy cứ chịu chờ một ít nữa.

Rồi muốn được yên lòng hẳn, nàng đem cất kỹ tác phẩm vào một nơi. Với cái ý nghĩ: Rồi sẽ viết lại. 71 bây giờ Văn cần được nghỉ lắm rồi. Cả tâm hồn cũng như thân thể đều mệt mỏi rã rời. Nếu không được tĩnh dưỡng một chút, nàng còn cố gắng làm sao!

Nhưng đó chỉ là một cách tự dối mình vì thực ra Văn đã thấy ngại ngại... Mất cả một nam cộng trình rồi

DAGÉMAN

(Tiếp theo trang 10)

Solu dagéman. Vậy chữ Dagéman chỉ là một danh từ riêng do một hãng thuốc đặt cho một thứ thuốc của mình chế ra. Dagéman không phải như người ta vẫn tưởng lầm là tên chung của một chất thuốc. Vì chính chất thuốc trong Dagéman là *Sulapyridine*, một thứ *sulfamides*. Rất nhiều người không hiểu, cho nên ta thấy những chữ ngộ nghĩnh như Dagéman tây, Dagéman Đức, Dagéman Nhật và Dagéman Saigon nữa. Đó là một cái nhảm tuy không quan hệ lắm nhưng cũng nên tránh và nên hiểu để khỏi bị những kẻ bất lương lợi dụng sự tin tưởng mờ quáng của quốc dân để trục lợi. Họ chỉ cốt mượn tiếng chữ Dagéman mà đánh lừa người. Ai nấy nên biết rằng chỉ có một thứ *Dagéman* hoặc thật hoặc giả chứ không có nhiều hạng *Dagéman* như người ta tưởng.

2.) Vì đâu có sự ngộ nhận của quốc dân ta về Dagéman?

Thứ theo lịch sử của *sulfamides* và các công cuộc thí nghiệm về chất thuốc này thì *sulfamides* là một thứ thuốc có tính cách giết trùng rất mạnh. Nhưng công dụng của *sulfamides*

còn gì? Nàng thực không thể kiên nhẫn được hơn nữa. Cái ý nghĩ: Rồi sẽ sửa lại, chỉ là một ý nghĩ khát khao tặc trách. Và sự thành thói lười đó mới quyết rũ làm sao! Vấn thêm được sống không nghĩ ngợi gì để được buông xuôi thảnh thơi êm đềm theo dòng nước chảy. Nhưng Vân đã lầm: tâm hồn nàng phải đau là một tâm hồn giản dị? Và sự băn khoăn càng trở nên nặng nề theo. Luôn luôn nó nhủ vào tai nàng: Muốn được thảnh thơi hãy lo xong công việc cho được vẹn toàn đi đã. Chứ còn giờ giang không? Bao giờ được phép nghỉ! Vân thấy mình không viết lại càng khổ hơn nhiều.

Nhưng nàng sẽ còn phải bận bịu đến bao giờ? Vừa giờ tập bạn thảo, Vân vừa nài nỉ trong khi đưa người bui để chạy trốn nỗi buồn chán.

ANH THO

người ta mới biết được vào khoảng mười năm. Tùy theo từng hạng *sulfamides* mỗi khi có một tính cách đặc biệt. Khi tới đầu hồi chiến-tranh hiện thời thì *sulapyridine* (Dagéman) là thứ *sulfamide* cuối cùng, trị được rất nhiều thứ trùng:

Streptocoques (sốt hậu sản)

Gonocoques (lậu)

Meningocoques (đau màng óc)

Pneumocoques (sưng phổi),

và có lẽ cả trùng

Staphylocoques (mụn nhọt)

Sự phát minh ra *sulfamides* và nhất là *sulapyridine* đã mở một kỷ nguyên mới trong y học thực nghiệm. Những phương sách cũ bị sụp đổ để nhường chỗ cho *sulfamides*. Nhưng từ ngày có cuộc cách mệnh lớn ấy phong trào dùng *sulfamides* một ngày một dữ dội. Có nhiều người quá khích dùng *sulfamides* để chữa tất các bệnh. Dù sao đó cũng chỉ là một sự thí nghiệm rải-rác và không có kết quả mấy.

Ở Đông-dương người ta bắt đầu nói đến *sulfamides* trong y học vào khoảng 1937 và từ 1938 thì đã có rất nhiều bài khảo cứu về *sulfamides* được công bố trong báo chí y học. Và ngay từ bây giờ Dagéman đã được nhiều người dùng và trong quần chúng cũng đã nhiều người biết đến Dagéman là một thứ thuốc linh nghiệm để chữa bệnh lậu (*gonocoques*). Đến năm 1939 gặp khi bệnh dịch đau màng óc tràn lan khắp xứ, thì Dagéman mới thật có một thanh thế vững vàng. Có lẽ trong toàn dân không ai là người không được mục kích cái thảm trạng của bệnh đau màng óc mà cũng không ai là người không được mục - kích cái kết quả mỹ-mãn của thứ thuốc màu nhiệm kia là Dagéman vậy. Sau khi đã dùng thuốc này diệt được bệnh đau màng óc một cách vẻ vang, người dùng Dagéman mỗi ngày nổi nhiều. Tiếng tăm của Dagéman một ngày một to, lan từ các bệnh viện ra công trú g và cứ thế mà tràn ra khắp xứ như một chiều nước mạnh.

Thế rồi từ chỗ thất phục đến chỗ mất tin cũng không xa.

Người ta bắt đầu tin *Dagénan* là một thứ thuốc thần đã cứu được rất nhiều người thoát chết đau màng óc. Lại phong-thanh nghe đồn *Dagénan* còn chữa được nhiều bệnh mà kết quả cũng chẳng kém gì khi chữa đau màng óc và bệnh lậu. Nguyên-nhân sự ngộ nhận này, một phần do tại nhiều bác sỹ quá khích, quá yêu *Dagénan*, đem áp dụng vào nhiều bệnh và công lộ với công chúng những kết quả quá mỹ mãn. Hoặc có những người phụ việc trong các bệnh viện thấy các thầy thuốc dùng *Dagénan* trong rất nhiều trường hợp không hiểu do chỉ là một cuộc thí nghiệm nên phao ra công chúng là *Dagénan* có thể dùng chữa được bách bệnh. Trong lúc quá tin tưởng đến như mê tín, quần chúng bèn núp lấy những lời công bố kia làm căn bản cho sự tin tưởng của mình.

Một cơ nữa. Ngay lúc phong trào *Dagénan* đang thịnh (1939-1940) chiến tranh Lạnh làm gián đoạn sự giao-thông giữa nước Pháp và Đông-Dương, *Dagénan* cũng như các thứ hàng hóa khác không nhập cảng được nữa. Nhiều kẻ đầu cơ thấy tình thế ấy vội vàng tích trữ, báo hàng ngày thường dâng luôn. Một mặt họ ca tụng *Dagénan*, cho *Dagénan* nổi ngày một thêm tin đồn, một mặt họ cứ tích trữ. *Dagénan* càng ngày càng hiếm lại càng thêm quý. Mà những kẻ đã chộp má lực của *Dagénan* càng lấy làm lạ thường, chúng như nếu không có *Dagénan* thì đời sống của họ, con cái họ, gia đình họ rất mong manh, đầy nguy hiểm. Thế rồi họ càng tin, càng nói đến *Dagénan*.

Có thứ ba. Chính những người đã dùng qua *Dagénan*, mà nhất là những người đã tự chữa lấy bằng *Dagénan*, may ra gặp dịp, bệnh khỏi, chính những người ấy là những kẻ tuyên truyền rất mạnh cho phong trào *Dagénan*, mà chính những kẻ ấy mới là thủ phạm gây nên cái «mốt» tích-trữ *Dagénan*.

Họ trơ tráo, nói với tất cả mọi người: Tôi không có *Dagénan* thì khôn đấy. Bệnh gì cũng phải có *Dagénan*, mới xong hay bệnh đã đến *Dagénan* mà không khỏi thì khổ cứu làm...

Cứ thế, từ mồm người này sang mồm người khác, chuyện bầy đặt không cần cứ cũng thành một sự thật đáng tin.

Sự tin tưởng mờ quáng ấy đã gây hẳn một cái «mốt» tích *Dagénan*, một cái «mốt» rất khôi hài và rất tai hại.

Rất khôi hài, bởi vì có nhiều người cứ dành dụm và đồ lủi để mua lấy một vài viên có khi chỉ có nửa viên hay một góc viên mà cũng giữ như một vật quý trong nhà. Không biết họ quan niệm phép chữa bệnh bằng *Dagénan* ra làm sao? Có lẽ theo lối thí dãi dãi cũng như thử quế tốt, thử mật gấu thật hay thử sừng tê-giác già. Khi cần đến chỉ mài ra một tý với nước mưa uống là công hiệu ngay! Khôn thay *Dagénan* không phải thế. Nếu bệnh đã cần đến *Dagénan* tất nhiên phải uống đến đủ liều, mà một liều thì một đĩa tre độ 6 Ki-lô-lắc bệnh cũng phôi mỗi ngày cũng phải uống tới một viên rưỡi đến hai ba viên. Như vậy tích một viên, hay một góc viên phỗng có ích gì hay chỉ tốn tiền mua thuốc để cho nó mốc ra rồi vứt đi!

Rất hại, hại cho người có thuốc, hại cho bệnh-nhân thật cần đến thuốc, lại cho các thầy thuốc...

Cho người có thuốc: Có sẵn thuốc trong nhà, lại tin rằng thuốc chữa được cả mọi bệnh kẻ có thuốc dễ bị cảm dỗ, đem thứ bảo vật ra dùng: thế rồi, chẳng may trong nhà có ông cụ rức đầu chóng mặt, hoặc có con gái kinh nguyệt không đều lại hay đau bụng, sốt, vật, hoặc có cậu bé sổ mũi bất lợi, thũng họng ho, thế là bà mẹ vội vàng đem thứ thuốc quý ra cho uống.

Kể cho ít, người cho thuốc, lợi thì không biết nhưng chỉ có hại. Cho uống nhiều quá *Dagénan* như hầu hết các chất thực hóa học khác là một thứ thuốc rất độc, dễ làm cho thân đau và người mệt, có khi thật là một liều ngộ độc rất nguy hiểm.

Cho ít quá, một là, phí thuốc, hai là làm cho rõ thể quen thuốc đến lúc cần phải dùng đến thật, thì thuốc không công hiệu nữa.

Thế sao họ cần tin ở thuốc, một lẽ rất dễ hiểu là vì họ dùng để chữa những trạng thái rất nhẹ chỉ cần nghỉ ngơi và gìn giữ ăn uống là khỏi.

Hại cho bệnh nhân thật cần đến thuốc. Mỗi người, nhất là những người có sẵn tiền, tích trữ một ít tuy không cần đến số thuốc lưu hành vì vậy mỗi ngày một khan, khan đến nỗi nhiều người thật là cần mà không sao mua được, hoặc nếu có mua được cũng tốn công phu, tiền của mà lúc tìm được thuốc có khi bệnh tình đã quá nặng.

Hại cho các thầy thuốc phải sống trong sự thiếu thốn quá đáng. Và trong một hoàn cảnh trái ngược : nếu có những người biết cách dùng thuốc, tưởng chỉ có những thầy thuốc nhưng trái lại, họ phải bỏ tay, duong mắt để mục kích những sự nhăm lẩn rêu rày hiếm của bao nhiêu người xung quanh họ. Có kẻ dùng phí phạm, có kẻ không biết dùng để đến ngộ độc mà không biết Cải nghịch cảnh ấy bao giờ mới trừ bỏ được mà trừ bỏ được thật cũng đáng mừng.

3) (hạn giá-trị của *Dagénan* là thế nào ?

Như đã nói ở trên, *Dagénan* chỉ có thể dùng được trong những trường hợp thật chính xác mà chỉ có thầy thuốc sau, khi khám nghiệm trực tiếp mới biết được thôi.

Chỉ có những bệnh do mấy thứ vi trùng sau này : *Streptocoques* như *Lệch sốt hậu-sản*, *Gonocoques* (lậu), *Meningocoques* (đau màng óc) *Pneumocoques* (sung phổi người lớn, trẻ con) và có lẽ : *Staphylococoques* (mụn nhọt) là thuốc vô phạm vì *Dagénan* rất ít ôi.

Song muốn biết đích xác các *Lệch* ấy, cách dùng thuốc thế nào cho *Lệch* *Lệch*, *Lệch* *Lệch* người, thì bệnh nhân hoặc người thi ông khám thế làm được.

Có một điều quan hệ nên biết nữa là nếu *Dagénan* rất linh nghiệm, thì cũng *Dagénan* cũng rất nhiều nguy hiểm.

Tại nạn nguy nhất, có thể làm thiệt mạng được là chứng đau máu *Agranulocytose*. Có nhiều người chỉ vì dùng *Dagénan* để tự chữa bệnh lâu phải thiệt mạng vì chứng đau máu trên kia.

Lại có nhiều người tạng không chịu nổi được *Dagénan*, uống vào là phát sốt, phát rét, như đau chóng mặt, đi lại ra chắt « lòng trắng trứng ». Nếu không biết mà cứ uống vào thì dễ nguy đến tính mệnh.

Nhiều lần trong các phòng khám bệnh chúng tôi đã được gặp các thiếu niên vì sau những phát đại đột lại vì « thẹn nghe anh em « cổ soay » lấy một ít *Dagénan* « chợ đen » uống. Thuốc uống đã tốn tiền mà bệnh không khỏi, lại thấy nhiều biến chứng đáng ngại như thiếu máu, đi tiểu ra máu, người tím lại v.v.,. Biến chứng ấy không phải là ở bệnh mà chính ở thuốc vậy.

Cũng có khi sau khi uống *Dagénan* bị nôn mửa, đi rửa, người vàng đều là những tai họa có thể làm hại đến cơ thể nếu không biết cách mà cứu, chữa ngay.

Ông *Jambert* và *Motz* có cho biết vài trường hợp rất đáng làm cho ta quan ngại về tai nạn của *Dagénan*. Đó là chứng mất tinh khí. Sau khi dùng *Dagénan* một vài bệnh nhân không sinh nở được nữa, vì tinh khí bị suy nhược. Những sự thí nghiệm tại phòng thí nghiệm thú y *Alfort* đã chứng nhận và bảo đảm những sự nhận xét trên.

Dùng *Dagénan* nếu có lợi thì cũng có nhiều nguy hiểm. Thứ khí giới ấy giúp ta được nhiều việc đặc lực nhưng không biết lúc nào lại có thể hại ta được. Muốn lợi dụng và sai khiến được *Dagénan* tất nhiên phải hiểu *Dagénan* cho đến nơi, đến chốn. Mà muốn hiểu được tất nhiên phải là những người chuyên môn. Chỉ có thầy thuốc mới dùng được. Bồn phẫn của người biết quý sức khỏe là phải thận trọng sự dùng thuốc. Không nên quá tin ở dư luận mà phó thác đời sống của mình cho những người ngu đại hoặc lừa thân để tin một vị thuốc vu vơ, dẫu vị thuốc ấy là *Dagénan*. (1) **VŨ VĂN CÂN**

(1) Ông Hoàng Tích Chi đã có đăng 1 bài về *Dagénan* trong *Số Khoa Học - Mai - 1926*.

GIÀO DỤC DUY NHẤT

(Tiếp theo trang 6)

sẽ cung cấp cho đủ mọi nghề. Sự tiến bộ là cái mục học vấn trung bình của cả dân chúng sẽ cao hơn bây giờ. Và cái mục học vấn ấy có công dụng không phải để giải thoát dân-chúng ra khỏi nghề lao lực mà để giải thoát họ ra khỏi những tột tụy của nghề lao lực là lương ít, giờ làm nhiều, thiếu sự giải trí và đọc báo xem sách, nó làm cho đời sống lam lũ, thô bỉ và hèn hạ. Kẻ lao động phải được học (vì học cao) để sản xuất tăng thêm thì họ được lương cao hơn; họ sẽ sung túc hơn, họ sẽ làm ít giờ đi, sẽ được hưởng những cuộc giải trí và được học thêm; họ sẽ có một đời sống cá-nhân cao quý hơn ở trong nhà và ra ngoài xã-hội; nói tóm lại họ sẽ được hưởng một đời sống đáng sống. Kẻ lao động có một giá-trị về phương diện xã hội và giúp ích được như thế, thì Đoàn-thể sẽ đủ tài lực để bảo vệ sự yên ổn của họ chống với tai nạn, bệnh tật và già yếu. Rồi chính họ cũng tự lo liệu được một phần trong việc ấy bằng những đức tính thứ tự và lo xa.

Một nền học duy-nhất

Ở nhiều nước dân-chủ, ngời ta đặt ra hai nền học, nền sơ học, bắt buộc và không mất tiền dạy theo một chương trình thiết thực theo sau là những bậc học bổ túc và chuyên nghiệp, và nền trung học phải giả tiền, dạy trong một quãng thời gian lâu hơn, có những lớp dưới gần tương tự như những lớp sơ đẳng trong nền tiểu học, nhưng những lớp trên thì theo một chương trình khác hẳn, chương trình học văn phổ thông và nhân bản và đưa học trò lên các ngành đại-học. Nền sơ-học là nền bình-dân, nền trung học và đại-học, vì phải giả tiền và dạy lâu hơn, là nền học dành cho những gia-đình có đủ tiền để lo việc-học cho con cái.

Nguyên tắc học không mất tiền mà phạm vi thực hành phải được mở rộng như trên đã nói, sẽ mở tất cả các nền học cho tất cả mọi người

giàu hay nghèo. Vì có ai dám quả quyết rằng tư-chất con nhà nghèo kém tư-chất con nhà giàu và nếu có được cấp-lương để học cao lên, chúng cũng không thể thành những chân tài để giúp ích cho xã hội.

Nhưng mở hết các nền học cho tất cả dân chúng bằng một chính sách: « học không mất tiền » thì hành thật rộng, việc ấy sẽ chỉ có hiệu lực rất ít nếu người ta cứ để nguyên hai nền học như thế, với những sự khác nhau về quan-niệm về chương trình và những lớp không thể thông đồng với nhau được. Phải bình dân tất theo học ở các trường làng là những trường sơ học. Sau nền sơ học, họ có thể nhớt ở chính sách trên, theo học những trường trung-học địa phương các quận huyện. Nhưng ở đó nếu không có những lớp học liên tiếp với trường sơ-học, và nếu phương pháp giáo-dục cũng khác ở trường dưới thì sự học nối tiếp của đám bình dân sẽ gặp sự khó khăn bởi chỗ gián đoạn ấy. Bởi vậy phải xếp đặt những bậc học liên tiếp với nhau. Và lại chương trình dạy ở bậc trung-học, nếu vẫn là chương trình phổ thông học văn (culture générale) ở khắp các-ban như xưa, thì nó sẽ không thích dụng cho trí óc của bọn trẻ đã được rèn luyện theo một chương trình và một phương pháp có tính cách khác, khi chúng theo ở bậc tiểu học. Bởi vậy phương pháp dạy dưới lên trên cũng phải theo một quan niệm có khác là ở mỗi bậc phải hợp với trình-độ hiểu biết của con trẻ theo từng tuổi một chứ không phải vì có hai nền học đặt riêng cho phái này-phái khác; chương trình từ dưới lên trên chia theo một kiến trúc sư phạm nhất định để đưa tất cả trẻ con trong một thế hệ thanh niên theo cùng một lối giáo-dục dần dần từ bậc sơ-học lên bậc trung học rồi tùy theo sức và chí của mỗi người, rẽ ngang sang các ngành chuyên nghiệp hay lên các ngành đại học là những ngành chuyên môn cao cấp. Đó là

nguyên tắc: «giáo dục duy nhất» Theo nguyên tắc này, sẽ không có nền sơ học với nền trung học (đều là bậc đại học) nên nó nên là thán nhân. Chỉ có một nền giáo dục chia ra thành những bậc dưới, bậc trên. Những trường đại ra chỉ có thể khác nhau vì có những bậc học khác nhau nhưng những bậc học ấy sẽ «tương thông» được với nhau (intercomunicabilité des enseignements), chứ không có khác nhau vì thi hành những lối giáo dục riêng biệt. Nhiều người sẽ nói việc đặt ra hai nền học khác nhau, nền sơ học dạy những kiến thức thông thường và thiết thực, và một nền trung học dạy một chương trình phổ thông và nhân bản (culture générale et humaniste) đã gây cho thanh niên một tri thức căn bản vững vàng, là một việc không có gì trái ngược với những nguyên tắc dân chủ, mà đây là chính sách « học không mất tiền » được thi hành ở mọi nền học và bằng một cách rộng rãi. Nền sơ học dạy một chương trình thường thức và thiết thực (trong một thời - giờ ngắn, là nền học của đa số bình dân, vì nó hợp với tính thể kinh tế và bản năng tinh thần của họ. Còn nền trung học là dành cho một số ít người có trí thông minh và được hưởng những điều kiện kinh tế may mắn hơn. Họ sẽ trở nên một bọn thường lưu tri thức cần cho sự hoạt động cao cấp của đoàn thể.

— Đem nổi liền nền sơ học với nền trung học là kéo thấp cái trình độ học vấn ở nền trung học xuống và làm cho cả bọn thanh niên đều có một ócaso đẳng

Lý luận trên là một nguy hiểm — Trước hết, nó phải sụp đổ vì xây trên một mệnh đề không đúng sự thực. Nghĩa là không đúng với ý nghĩ của những người chủ trương thuyết « giáo dục duy nhất » Tại sao lại «quảng» cho họ cái ý tưởng muốn kéo thấp cái trình độ học vấn ở nền trung học xuống khi người ta đề nghị nổi liền nền sơ học với nền trung học? Vì trái lại, người ta muốn lối cái trình độ học vấn ở nền sơ học lên cao hơn. Sau nữa, tại sao lại quả quyết rằng phái bình dân chỉ có thể theo được nền sơ học còn nền trung học dành cho một số thanh niên có trí thông minh ở những giai cấp khác? Điều ấy, trong chế độ hiện hành, có thể là sự thực, nhưng là sự thực chính vì cái chế độ hiện hành, không cho phái bình dân có đủ điều kiện thuận lợi vật chất và tinh thần để theo nền trung học. Chứ còn nói những trẻ con bình dân kém tư chất thì là một câu nói quá bạo!

Vậy một quan niệm duy nhất, một chương trình duy nhất với những bậc học liên tiếp và dần dần cao là những nguyên tắc của thuyết « giáo dục duy nhất ». Chỉ có những bậc học lập theo tài năng của con trẻ và chỉ có sự lựa chọn theo sự và chí học của chúng chứ không có những nền học riêng cho từng giai cấp lập theo những thiên kiến sai lầm về tư chất khác nhau của bọn trẻ này và bọn trẻ khác.

(Còn nữa)

VŨ ĐÌNH HỒ

1er DECEMBRE 1944

SẼ CÓ BÁN KHẮP NƠI — 3 TẬP SÁCH GIÁ TRỊ

THƯ HỮU

— Bộ tiểu thuyết vĩ đại của Tào da
Đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng
trên thế giới

Bản dịch công phu của Trần Tuấn

Khánh

Tập 1 3500

TRƯỜNG CHI

Kịch thơ của thi-sĩ Vũ hoàng Chương
Bìa và 3 phụ bản của thi-sĩ Đinh
Hùng

VŨ C THAM

Chuyện dài của Nguyễn Hồng — Giá 4500

... Viết hộ một người đã khuất...

NHÀ XẤU BẢN ANI HOA GI. Hàng Tươi — VŨ C THAM: 115, 73, 1, D'Albans Hanoi

Su' can thiệp vào kinh tế

(Tiếp theo trang 4)

Chắc không phải vì người ta đã làm xong công cuộc giáo hóa cho một phần quan trọng trong quốc-dân. Công cuộc ấy sẽ cần đến bao nhiêu thế-hệ ; mà nếu ta tính thêm rằng những phần tử giáo hóa xong, đem đặt vào cái hoàn-cảnh cũ lại bị thôi nát, hư hỏng như hoàn cảnh ấy thì công cuộc đó sẽ không bao giờ hoàn bị được !

Sự thật thì vấn đề kinh tế ở nước nào cũng dựa vào vấn đề chính trị. Chính sách can thiệp vào kinh tế sẽ là một chính sách rất hay nếu có một chính quyền mạnh mẽ theo đuổi quyền lợi của đoàn thể, một chính quyền làm tiêu biểu cho một lý tưởng đã ăn sâu vào mọi lớp trong xã-hội.

Cứ theo đuổi quyền lợi chung cho xã-hội và không vụ một thiểu-số nào, chính quyền ấy có thể mạnh bạo dùng những phương-sách hợp-lý và có niện quả để đi tới cái đích đã nhắm ; và có thể mạnh bạo nhận những sự nhâm lỗi của hiện tại để làm bài học kinh nghiệm cho tương lai.

Căn cứ vào đại đa số quốc dân và biết chắc là được lòng tin cậy của đa số ấy, chính quyền đó có thể cương quyết trừng trị những kẻ lợi dụng luật lệ để kiếm lợi riêng, không phân biệt kẻ nhâm lỗi ở đảng phái nào, đảng cấp nào và địa vị nào. « Rút tay » mà « không sợ động rừng », chính quyền ấy có thể trừ một cách dễ dàng cái tệ tham nhũng — vì những kẻ tham nhũng nhất thường là những kẻ hèn nhát nhất.

Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tâm thân của mình mà thu lấy những cái khí hùng vĩ của đoàn thể nó phối hiệp với những cái di truyền của tiên nhân cũng là những tiếng gọi của tương lai.

MARÉCHAL PÉTAINE

Làm tiêu biểu cho một lý tưởng đã ăn sâu vào mọi lớp xã-hội, chính quyền đó có thể gây suốt từ trên cho tới dưới bộ máy cai trị và từ người cầm quyền ra đến tư nhân, một lòng hăng hái bông bột khiến cho người ta nhận thấy sự nhỏ nhen của tư lợi đứng trước lợi chung của đoàn thể. Sự xấu xa của kẻ làm không hết nhiệm vụ, sự hèn kém của người đã không giúp ích vào công việc chung.

Hiện nay, trong thế giới dư luận ở nước vào cũng khuynh hướng rõ ràng về chủ nghĩa quốc quyền trong lĩnh vực kinh tế. Nhưng khuynh hướng ấy có đem lại được sự phong phú cho toàn thể và hạn phúc cho đa-số dân chúng hay không đều đó còn do ở sự điều kiện chính trị trên đây có gây được hay không.

VŨ VĂN HIỀN

TU SÁCH NGAY MỖI

SẮP PHÁT HÀNH

VIỆT và SÔNG

KHẢO LUẬN CỦA NGUYỄN XUÂN HUY

— Tuyên ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã hội

— Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này

MỖI CÓ BÁN

KHÔNG GIÁO VỚI Ô ĐÀO DUY ANH

Nghiên cứu của Nguyễn Diễm — Giá 4\$00

SẼ XUẤT BẢN

TÔN GIÁO VÀ XÃ - HỘI

Nghiên cứu của Nguyễn Hải Ân

TU SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

ĐANG IN: NGÃ BA

truyện dài của Lê mộng Cầu

— Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời, yêu cuộc sống, thành thực đi tìm lý tưởng.

— ĐẠI HỌC THU XA —

181, Henri d'Orléans Hanoi

Hai cuốn sách đầu trong bộ Thanh nghị từng thư

SẼ XUẤT BẢN VÀO ĐẦU NĂM 1945

1º) NHỮNG PHƯƠNG PHÁP GIAO DỤC Ở CÁC NƯỚC
và VĂN-ĐỀ CÁCH GIAO-DỤC... VŨ ĐÌNH HÒE

2º) CUỘC TIẾN - HÓA CỦA NỀN TƯ BẢN AU - TÂY
VŨ VĂN HIỀN

Nhiều bạn gửi tiền đặt trước về các sách truyện Thanh - Nghị
từng-thư. Xin cảm tạ tấm thịnh tình ấy. Song chúng tôi không
dám nhận tiền trước, bởi lẽ nhiều sự khó khăn do tình thế
hiện thời có thể làm chậm trễ công việc xuất bản và ấn loát

T. N

MỤC VIET
KHÁNH THỊM
PACIFIC FIDUC

KHÔNG PHAI MÀU
KHÔNG CẶN

CÓ BÁN TẠI

CÁC HÀNG SÁCH

BÁN BUÔN THEO GIÁ

HỘI ĐỒNG HÓA GIÁ ẤN ĐỊNH

§§ DO VAN THIEU §§

— BOITE POSTALE N° 11 —

68, Maréchal Foch, Vinh

PACIFIQUEPACIFIQUEPACIFIQUE

SÁCH MỚI

VIỆT NAM VĂN HỌC SƯ YẾU

DƯƠNG QUANG HAM

Giáo sư trường Trung-Học Bảo - Hộ Hà - nội
500 trang khổ lớn 15 × 22

DANH TỪ Y - HỌC

(Tập A và B)

PHẠM KHÁC QUANG, Y-khoa Bác-sĩ

LÊ KHÁC THIỀN, Ngoại-trú Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHANH

Luật-khoa Tiến-sĩ

Thẩm phán tại tòa Thượng-thẩm Huế

350 trang khổ 13 × 20

NHA IN XUAN THU 214, HÀNG BÔNG HÀ-NỘI

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL DU 1^{er} MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE— Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHỊ